



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM TIN HỌC

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

8

Tháng 4 - 2008

KHAI MẠC TRIỂN LÃM VIETBUILD HANOI 2008

XÂY DỰNG - VẬT LIỆU XÂY DỰNG - NHÀ Ở & TRANG TRÍ NỘI, NGOẠI THẤT

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2008



Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng phát biểu tại Lễ khai mạc Triển lãm Vietbuild Hanoi 2008



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đi thăm quan các gian hàng tại Triển lãm



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm



Lễ cắt băng khai mạc Triển lãm

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG

MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM TIN HỌC PHÁT HÀNH

NĂM THỨ CHÍN

8

SỐ 8 - 4/2008

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Giới thiệu Nghị định số 35/2008/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang 5
- Giới thiệu Thông tư số 07/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng 5
- Giới thiệu Thông tư số 08/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch cấp tỉnh, thành phố 7
- Giới thiệu Thông tư số 09/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng 9
- Giới thiệu Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch Xây dựng 12
- Giới thiệu Chỉ thị số 04/CT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng năm 2008 với các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng 15
- Giới thiệu Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch Xây dựng" 17

Văn bản của địa phương

- Giới thiệu Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định một số điều Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Nhà nước do UBND thành phố 17



TRUNG TÂM TIN HỌC

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH
(**Trưởng ban**)

CN.BẠCH MINH TUẤN (**Phó ban**)

KS. HUỲNH PHƯỚC

CN.ĐÀO THỊ MINH TÂM

CN.NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG

CN. HOÀNG ĐẠI HẢI

CN. TRẦN HỒNG NHUNG

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

Hà Nội quản lý theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/1/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Chính phủ
- Giới thiệu Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình thành phố Hà Nội - phần xây dựng; Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình; Đơn giá xây dựng công trình thành phố Hà Nội - phần xây dựng, phần lắp đặt, phần khảo sát xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu chịu lửa Manhêdi – cacbon – Phương pháp xác định hàm lượng cacbon tổng” 20

- Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình – Phương pháp thử” 21

- Nghiệm thu đề tài: Các chế tài hạn chế, phòng ngừa và xử lý lãng phí thất thoát trong đầu tư xây dựng (sử dụng vốn Nhà nước) 22

- Tấm ốp tường nhôm composit 24

- Hội thảo Thiết bị công nghệ, phụ kiện và nguyên vật liệu mới 25

Thông tin

- Ngành Xây dựng Việt Nam - 50 năm trưởng thành và phát triển 29

- Triển lãm quốc tế VIETBUILD Hà Nội 2008 từ ngày 17-21/4/2008 35

- Hội thảo sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả ngành Xây dựng 37

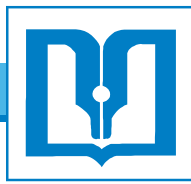
- Hội thảo “Vai trò công đoàn trong cơ chế thị trường” 39

- Hội thảo Phát triển đô thị bền vững ở Việt Nam 40

- Kinh nghiệm từ thực tiễn công tác quản lý môi trường ở Đà Nẵng 42

- Việc quản lý nhân tài trong ngành Xây dựng Nhật Bản 45

Tin xây dựng quốc tế qua mạng Internet 47



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Giới thiệu Nghị định số 35/2008/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang

Ngày 25/3/2008, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 35/2008/NĐ-CP về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

Nghị định này quy định về các hoạt động xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang trên lãnh thổ Việt Nam. Việc xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang liệt sĩ, nghĩa trang quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. Đối tượng áp dụng của Nghị định là các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang trên lãnh thổ Việt Nam.

Theo Nghị định này, tất cả các nghĩa trang đều phải được quy hoạch và xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc táng người chết phải được thực hiện trong các nghĩa trang, phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán tốt, truyền thống văn hóa và nếp sống văn minh hiện đại. Sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả và đảm bảo các yêu cầu về cảnh quan, bảo vệ môi trường.

Diện tích sử dụng đất cho mỗi mộ hung táng và chôn cất một lần tối đa không quá 5m², cho mỗi mộ cát táng tối đa không quá 3m².

Hoạt động xây dựng nghĩa trang phải tuân

thủ các quy định của pháp luật về quy chuẩn tiêu chuẩn. Chính phủ giao Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật về xây dựng nghĩa trang.

Nhà nước có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư xây dựng nghĩa trang và khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng nghĩa trang. Các tổ chức và cá nhân đầu tư xây dựng nghĩa trang được nhà nước cấp đất xây dựng nghĩa trang lâu dài và không thu tiền sử dụng đất, nhà nước hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng ngoài hàng rào, hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng tùy theo quy mô, hình thức đầu tư, công nghệ được áp dụng và tác động đến môi trường của dự án.

Nghị định này cũng quy định quy hoạch địa điểm xây dựng nghĩa trang là một nội dung của đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch xây dựng chung đô thị và quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Thông tư số 07/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng

Ngày 07/4/2008, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 07/2008/TT-BXD hướng dẫn thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng được quy định tại Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 4, Mục 5 Điều 38 và Điều 41 Mục 6 chương II - Nghị định số 08/2005/NĐ-

CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng.

Những quy định chung trong Thông tư 07/2008/TT-BXD bao gồm:

- Khi lập quy hoạch xây dựng cần đầy đủ các căn cứ được quy định tại Điều 7, Điều 15,

Điều 23 của Nghị định số 08/2005/NĐ-CP và tuân thủ theo trình tự từ quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung xây dựng đến quy hoạch chi tiết xây dựng. Trong trường hợp chưa có đủ các căn cứ theo quy định thì phải dựa trên định hướng lớn của các ngành, các chương trình, kế hoạch phát triển của địa phương và các yếu tố kinh tế xã hội có ảnh hưởng đến khu vực lập quy hoạch xây dựng để làm căn cứ lập quy hoạch xây dựng.

- Nhiệm vụ quy hoạch có thể được điều chỉnh trong quá trình lập đồ án quy hoạch xây dựng. Khi tiến hành lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, có những nội dung khác với nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt mà không thay đổi phạm vi ranh giới, diện tích, tính chất khu vực lập quy hoạch thì không phải tiến hành lập lại nhiệm vụ quy hoạch. Người có thẩm quyền chỉ phê duyệt lại nhiệm vụ quy hoạch để đảm bảo thống nhất với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng.

- Ban quản lý các khu công nghệ cao, khu kinh tế đặc thù có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng thuộc phạm vi ranh giới do mình quản lý và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

- Đối với quy hoạch xây dựng các khu vực có ý nghĩa quan trọng về kinh tế - chính trị - an ninh - quốc phòng đã được xác định tại nhiệm vụ quy hoạch xây dựng thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng phải xin ý kiến của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp trước khi phê duyệt các quy hoạch xây dựng đó.

- Đối với các khu chức năng khác ngoài đô thị (khu đô thị, khu du lịch, khu di sản, bảo tồn di tích, giáo dục đào tạo, y tế, cụm công nghiệp...) có quy mô trên 500ha phải tiến hành lập quy hoạch chung xây dựng trước khi lập quy hoạch chi tiết xây dựng.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng có địa điểm xây dựng ngoài đô thị do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công trình kiến trúc thì có thể tiến

hành lập quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 nhưng phải đảm bảo sự kết nối hợp lý hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 5 ha (nhỏ hơn 2 ha đối với dự án xây dựng nhà ở chung cư) thì có thể lập dự án đầu tư xây dựng mà không phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Bản vẽ tổng mặt bằng, phương án kiến trúc công trình, giải pháp về hạ tầng kỹ thuật trong nội dung thiết kế cơ sở phải phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000; đảm bảo sự đấu nối hạ tầng kỹ thuật và phù hợp về không gian kiến trúc với khu vực xung quanh.

- Đối với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các khu vực xây dựng công trình phúc lợi công cộng và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật, sau 3 năm kể từ ngày công bố quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt chưa triển khai thực hiện mà vẫn phù hợp với định hướng phát triển và lợi ích xã hội thì người có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện quy hoạch trên cơ sở các giải pháp khắc phục và kế hoạch cụ thể, đồng thời có trách nhiệm thông báo và giải thích cho các tổ chức, cá nhân trong khu vực quy hoạch biết và thực hiện.

- Quy hoạch xây dựng (cho các giai đoạn 5, 10 năm hoặc dài hơn) mang tính dự báo, vì vậy trong quá trình triển khai thực hiện khi xuất hiện các yếu tố tác động làm thay đổi các dự báo của quy hoạch xây dựng, thì Ủy ban nhân dân các cấp cần tổ chức điều chỉnh quy hoạch xây dựng.

- Đồ án quy hoạch xây dựng phải đảm bảo phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng được áp dụng và nhiệm vụ quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt.

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt các cấp có trách nhiệm phê duyệt quy hoạch xây dựng bằng văn bản với các nội dung được hướng dẫn tại phần V của Thông tư này.

Hồ sơ đồ án gồm thuyết minh tổng hợp và

bản vẽ kèm theo quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng được đóng dấu của cơ quan thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng.

Cơ quan tư vấn lập đồ án quy hoạch xây dựng chịu trách nhiệm về những nội dung nghiên cứu và tính toán kinh tế – kỹ thuật thể hiện trong thuyết minh và hồ sơ bản vẽ của đồ án quy hoạch xây dựng được duyệt.

- Việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận về chủ trương được thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành.

- Quy cách thể hiện hồ sơ, nội dung thuyết minh, các sơ đồ, bản đồ, bản vẽ của nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch xây dựng phải tuân thủ theo quy định của Bộ Xây dựng.

- Việc tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt

nhiệm vụ quy hoạch và đồ án quy hoạch xây dựng được thực hiện theo quy định tại các Phần II, Phần III, Phần IV, Phần V, Phần VI của Thông tư này, trừ những trường hợp có quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

Thông tư số 07/2008/TT-BXD còn hướng dẫn các nội dung về Lập quy hoạch xây dựng bao gồm lập quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch chung xây dựng đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn; Các nội dung lấy ý kiến về quy hoạch xây dựng; Thẩm định và trình duyệt quy hoạch xây dựng; Phê duyệt quy hoạch xây dựng; Điều chỉnh quy hoạch xây dựng; Quản lý quy hoạch xây dựng; Tổ chức thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Thông tư số 08/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch cấp tỉnh, thành phố

Ngày 10/4/2008, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 08/2008/TT-BXD hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Hội đồng KTQH cấp tỉnh) và Hội đồng Kiến trúc quy hoạch các thành phố trực thuộc tỉnh (Hội đồng KTQH thành phố)

Theo đó, Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch cấp tỉnh, thành phố là một tổ chức tư vấn, phản biện chuyên ngành cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc tỉnh trước khi đưa ra quyết định cuối cùng đối với các vấn đề quan trọng liên quan đến các lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, phát triển đô thị, nông thôn trên phạm vi địa giới tỉnh, thành phố.

- Hội đồng Kiến trúc - Quy hoạch cấp tỉnh, thành phố có nhiệm vụ tham gia góp ý định hướng, chương trình, dự án về kiến trúc, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và phát triển

đô thị, nông thôn.

- Tham gia góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, của ngành Xây dựng và của địa phương về: Quản lý kiến trúc, quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị, nông thôn.

- Tư vấn, góp ý phương án, chọn giải pháp tối ưu cho các công trình kiến trúc (kể cả công trình kiến trúc phải qua thi tuyển) khi Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố yêu cầu

- Cử thành viên tham gia Hội đồng thẩm định các đồ án quy hoạch xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và phát triển đô thị, nông thôn có ý nghĩa quan trọng, liên quan lớn tới cộng đồng dân cư.

- Cử thành viên tham gia Hội đồng tuyển chọn phương án thiết kế kiến trúc các công trình thuộc diện phải được thi tuyển theo quy định.

- Tư vấn, phản biện các vấn đề quan trọng khác về kiến trúc, quy hoạch xây dựng, hạ tầng

kỹ thuật và phát triển đô thị, nông thôn khi Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố yêu cầu.

Về cơ cấu tổ chức của Hội đồng KTQH:

- Hội đồng KTQH được thành lập theo Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, căn cứ vào đề nghị của giám đốc Sở Xây dựng, đối với TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là giám đốc Sở Quy hoạch- Kiến trúc.

- Hội đồng KTQH là tổ chức mang tính chuyên môn cao, bao gồm các chuyên gia có năng lực, kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến kiến trúc, quy hoạch xây dựng (kiến trúc sư, kỹ sư đô thị, kỹ sư tài nguyên, môi trường, kỹ sư giao thông, thủy lợi; các chuyên gia về văn hoá, kinh tế, lịch sử ...) chiếm tỷ lệ từ 80% đến 90%, trong đó kiến trúc sư chiếm tỷ lệ từ 50% trở lên.

- Thành phần Hội đồng KTQH cấp tỉnh: Số lượng thành viên từ 9 đến 25 người, tùy theo tình hình năng lực, yêu cầu của từng địa phương, trong đó gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng: Là giám đốc Sở Xây dựng, đối với TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là giám đốc Sở Quy hoạch Kiến trúc.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: là lãnh đạo Sở Xây dựng; đối với TP Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là lãnh đạo Sở Quy hoạch Kiến trúc; lãnh đạo của Hội Kiến trúc sư hoặc Hội Quy hoạch phát triển đô thị. Số lượng tùy thuộc vào tình hình thực tế của địa phương.

+ Các thành viên chính thức: Là các chuyên gia có năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch ở trong hoặc ngoài tỉnh; các cán bộ quản lý đương nhiệm tại địa phương từ cấp phó phòng của các Sở trở lên; đại diện Bộ Xây dựng có chuyên môn về lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch (đối với thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh có đô thị từ loại 2 trở lên thấy cần thiết);

+ Các thành viên không chính thức: Là các chuyên gia, phản biện có năng lực, kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch ở trong hoặc ngoài tỉnh kể cả Kiến trúc sư là

người nước ngoài; là 2 đến 3 đại diện có chuyên môn hoặc là lãnh đạo của địa phương nơi có dự án công trình và nội dung liên quan đến cuộc họp. Các thành viên không chính thức có quyền và trách nhiệm như thành viên chính thức tại phiên họp được mời.

- Thành phần Hội đồng KTQH thành phố trực thuộc tỉnh bao gồm:

+ Chủ tịch Hội đồng: Là Chủ tịch Hội đồng KTQH cấp tỉnh.

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Là 01 phó Chủ tịch Hội đồng KTQH cấp tỉnh.

+ Các thành viên chính thức: Gồm 2/3 tổng số thành viên của Hội đồng KTQH cấp tỉnh (trong đó có Chủ tịch và phó Chủ tịch) và 3 đến 5 cán bộ (không kể thành viên có trong danh sách Hội đồng KTQH cấp tỉnh) có chuyên môn liên quan đến kiến trúc, quy hoạch hoặc là lãnh đạo của thành phố do Chủ tịch UBND thành phố đề nghị.

+ Các thành viên không chính thức: Là các chuyên gia, phản biện có năng lực, kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch ở trong hoặc ngoài thành phố, kể cả Kiến trúc sư là người nước ngoài.

- Thường trực Hội đồng KTQH: Thường trực Hội đồng được thành lập tùy theo yêu cầu của mỗi địa phương. Thành viên Thường trực Hội đồng gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng và một số uỷ viên. Số thành viên Thường trực không quá 30% tổng số thành viên Hội đồng.

- Thư ký Hội đồng: là 2 đến 3 cán bộ đương nhiệm có chuyên môn liên quan đến kiến trúc, quy hoạch xây dựng và hạ tầng kỹ thuật. Thư ký Hội đồng cấp tỉnh đồng thời là thư ký Hội đồng thành phố trực thuộc tỉnh.

- Các thành viên trong Hội đồng và thư ký Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Hội đồng KTQH sử dụng con dấu cơ quan nơi làm việc của Chủ tịch Hội đồng.

Thông tư này còn quy định cụ thể trách nhiệm của các chức danh Chủ tịch Hội đồng KTQH, Phó Chủ tịch Hội đồng, Thường trực Hội

đồng và các thành viên khác.

Về cơ chế hoạt động, Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, biểu quyết theo đa số. Kết luận của Hội đồng phải được trên 50% tổng số thành viên dự họp đồng ý. Phiên họp Hội đồng chỉ có giá trị khi có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng được triệu tập có mặt. Kết quả việc lựa chọn phương án kiến trúc công trình được áp dụng theo hình thức bỏ phiếu. Đối với nội dung về quy hoạch xây dựng và các vấn đề liên quan khác, kết luận phải căn cứ vào “Phiếu góp ý” hoặc ý kiến của đa số thành viên Hội đồng. Các phiên họp của Hội đồng đều được lập biên bản theo quy định. Kết luận của Hội

đồng được thể hiện bằng văn bản các ý kiến của đa số thành viên Hội đồng, đồng thời phản ánh đầy đủ, trung thực các ý kiến của thiểu số thành viên tham dự và được lưu trong hồ sơ lưu trữ cùng hồ sơ tài liệu có chữ ký của Chủ tịch, thư ký Hội đồng.

Kinh phí hoạt động hàng năm của Hội đồng KTQH được chi trong ngân sách địa phương theo Luật Ngân sách.

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Thông tư số 09/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng

Ngày 17/4/2008, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 09/TT-BXD hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng. Đối tượng và phạm vi áp dụng của Thông tư này hướng dẫn việc điều chỉnh dự toán, giá gói thầu, tổng mức đầu tư và hợp đồng xây dựng của chủ đầu tư và nhà thầu đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước do giá vật liệu xây dựng biến động ngoài khả năng kiểm soát của chủ đầu tư và nhà thầu. Việc điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được áp dụng đối với các gói thầu đã và đang triển khai thực hiện theo hình thức giá hợp đồng trọn gói, hình thức giá hợp đồng theo đơn giá cố định. Điều chỉnh hình thức giá hợp đồng đối với các hợp đồng đã lỡ thực hiện hình thức giá hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định thành giá hợp đồng theo giá điều chỉnh do giá vật liệu xây dựng biến động ngoài khả năng kiểm soát của chủ đầu tư và nhà thầu.

Nguyên tắc điều chỉnh theo hướng dẫn của Thông tư này bao gồm:

- Điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được tính cho khối lượng thi công xây lắp từ năm 2007 chịu ảnh hưởng của biến động giá vật liệu xây dựng làm tăng (giảm) chi phí xây dựng công trình ngoài khả năng kiểm soát của chủ đầu tư và nhà thầu (sau đây gọi là khối lượng xây lắp bị ảnh hưởng tăng giá).

- Việc điều chỉnh dự toán, giá gói thầu, tổng mức đầu tư, hợp đồng xây dựng của chủ đầu tư và nhà thầu cần phối hợp chặt chẽ với các biện pháp kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đảm bảo tăng trưởng bền vững.

- Khối lượng xây lắp bị ảnh hưởng tăng (giảm) giá, mức điều chỉnh giá do chủ đầu tư, nhà thầu xác định trên nguyên tắc cùng chia sẻ quyền lợi, trách nhiệm.

- Các loại vật liệu xây dựng được điều chỉnh (tăng, giảm) giá bao gồm: Xăng, dầu, sắt thép các loại (bao gồm cả cáp thép, ống thép các loại), nhựa đường, xi măng, cát, đá, sỏi, gạch các loại, dây điện, cáp điện các loại, gỗ các loại (bao gồm cả cốp pha gỗ, cửa gỗ các loại), kính

các loại. Trường hợp cần điều chỉnh các loại vật liệu xây dựng khác do biến động giá thì chủ đầu tư xác định và báo cáo Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Tập đoàn kinh tế, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhà nước quyết định.

- Điều chỉnh hình thức giá hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định sang hình thức giá hợp đồng theo giá điều chỉnh, cần xác định rõ các nội dung điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh và chỉ được tính từ thời điểm có biến động giá do chủ đầu tư và nhà thầu xác định phù hợp với tiến độ thực hiện.

Phương pháp điều chỉnh giá vật liệu xây dựng:

- Điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được xác định cho từng hợp đồng thi công xây dựng công trình, từng gói thầu và cho cả dự án. Phần chi phí bổ sung do điều chỉnh giá vật liệu xây dựng được xác định bằng dự toán chi phí xây dựng bổ sung và là căn cứ để điều chỉnh giá hợp đồng, giá gói thầu, điều chỉnh dự toán công trình và điều chỉnh tổng mức đầu tư.

- Dự toán chi phí xây dựng bổ sung có thể xác định bằng cách tính bù trừ chi phí vật liệu trực tiếp hoặc hệ số điều chỉnh chi phí vật liệu. Hệ số điều chỉnh chi phí vật liệu do chủ đầu tư tổ chức tính toán hoặc áp dụng chỉ số giá do Bộ Xây dựng công bố hoặc chỉ số giá của Tổng cục Thống kê. Dự toán chi phí xây dựng bổ sung được xác định theo hướng dẫn tại phụ lục được ban hành kèm theo Thông tư này.

- Dự toán chi phí xây dựng bổ sung lập một lần trên cơ sở những khối lượng xây lắp chịu ảnh hưởng tăng (giảm) giá vật liệu xây dựng từ năm 2007.

- Chủ đầu tư tổ chức điều chỉnh dự toán, giá gói thầu, tổng mức đầu tư trên cơ sở dự toán chi phí xây dựng bổ sung.

Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình sau khi đã lập dự toán chi phí xây dựng bổ sung:

- Đối với các gói thầu đã chỉ định thầu và tự thực hiện dự án, đã có kết quả lựa chọn nhà

thầu nhưng chưa ký hợp đồng xây dựng hoặc hợp đồng đang thực hiện (theo giá hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định) thì chủ đầu tư xác định dự toán chi phí xây dựng bổ sung theo hướng dẫn tại mục 3 nêu trên để làm căn cứ điều chỉnh dự toán xây dựng công trình.

- Đối với các gói thầu, hạng mục công trình, công trình chưa lựa chọn nhà thầu thì chủ đầu tư tiến hành điều chỉnh dự toán theo các qui định hiện hành.

- Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh được xác định bằng cách cộng dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt với các dự toán chi phí xây dựng bổ sung.

Điều chỉnh giá gói thầu sau khi đã lập dự toán chi phí xây dựng bổ sung:

- Chủ đầu tư điều chỉnh giá gói thầu bằng cách cộng giá trúng thầu đã được phê duyệt với dự toán chi phí xây dựng bổ sung được xác định tại mục 3 nêu trên. Trường hợp giá gói thầu sau khi điều chỉnh không vượt giá gói thầu đã được phê duyệt thì chủ đầu tư quyết định phê duyệt. Trường hợp giá gói thầu sau khi điều chỉnh vượt giá gói thầu đã được phê duyệt nhưng không vượt tổng mức đầu tư thì chủ đầu tư quyết định phê duyệt và gửi kết quả để báo cáo người quyết định đầu tư. Trường hợp giá gói thầu sau khi điều chỉnh làm vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì việc điều chỉnh tổng mức đầu tư thực hiện theo hướng dẫn tại mục 6 của Thông tư này.

Điều chỉnh tổng mức đầu tư sau khi đã lập dự toán chi phí xây dựng bổ sung

- Chủ đầu tư căn cứ dự toán xây dựng công trình điều chỉnh hoặc giá gói thầu điều chỉnh để tổ chức điều chỉnh tổng mức đầu tư. Nếu tổng mức đầu tư điều chỉnh vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định; Trường hợp dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư thì Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Tập

đoàn kinh tế, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhà nước quyết định.

Điều chỉnh hợp đồng sau khi đã lập dự toán chi phí xây dựng bổ sung

- Đối với những hợp đồng đã ký kết, thì căn cứ vào dự toán chi phí xây dựng bổ sung và nội dung hợp đồng đã ký kết, chủ đầu tư và nhà thầu ký bổ sung giá hợp đồng làm cơ sở thanh toán hợp đồng.

- Đối với những gói thầu đã có kết quả lựa chọn nhà thầu nhưng chưa ký hợp đồng, chủ đầu tư căn cứ vào dự toán chi phí xây dựng bổ sung, kết quả trúng thầu và nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu để đàm phán và ký kết hợp đồng.

- Đối với trường hợp điều chỉnh hình thức giá hợp đồng từ hình thức giá hợp đồng trọn gói, giá hợp đồng theo đơn giá cố định sang hình thức giá hợp đồng theo giá điều chỉnh thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư về nội dung điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh cho phép trước khi thực hiện. Nội dung hình thức giá hợp đồng theo giá điều chỉnh thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Đối với những dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch đấu thầu thì Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Tập đoàn kinh tế, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhà nước quyết định.

Tổ chức thực hiện

- Chủ đầu tư xem xét quyết định việc điều chỉnh dự toán, giá gói thầu, hợp đồng xây dựng đảm bảo dự án có hiệu quả. Riêng đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch Tập đoàn kinh tế, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhà nước quyết định.

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách địa phương, việc tính toán điều chỉnh dự toán, giá gói thầu, hợp đồng do chủ đầu tư thực hiện và chịu trách nhiệm; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc áp dụng hệ thống đơn giá xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng, giá vật liệu xây dựng. Trường hợp giá theo thông báo giá hoặc công bố không phù hợp hoặc không có thì chủ đầu tư căn cứ vào giá chứng từ, hoá đơn hợp lệ phù hợp với mặt bằng giá thị trường.

- Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu tiền bù chênh lệch giá theo hướng dẫn tại Thông tư này theo mức tạm ứng của hợp đồng đối với khối lượng chưa thực hiện và tạm thanh toán 80%-90% chênh lệch giá của khối lượng đã thực hiện trong khi chờ làm các thủ tục điều chỉnh để trách thiệt hại cho nhà thầu và không ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình, dự án.

Hồ sơ tạm ứng, tạm thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị tạm ứng (tạm thanh toán), hợp đồng điều chỉnh (phụ lục hợp đồng) và dự toán chi phí xây dựng bổ sung.

- Trường hợp sau khi điều chỉnh giá vật liệu xây dựng làm thay đổi nhóm của dự án, chủ đầu tư tiếp tục thực hiện dự án như quy định đối với dự án trước khi điều chỉnh (không phải làm lại các thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án).

- Đối với các gói thầu của các dự án sử dụng vốn ODA (trừ vốn đối ứng), việc điều chỉnh giá thực hiện theo quy định trong hợp đồng. Trường hợp cần thiết, người quyết định đầu tư xem xét quyết định sau khi thỏa thuận với nhà tài trợ, đồng thời các Bộ, ngành, địa phương phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm việc với nhà tài trợ để bổ sung vốn do biến động giá.

- Đối với những công trình, gói thầu thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006), hình thức hợp đồng theo giá điều chỉnh, nếu việc chậm tiến độ thực hiện hợp

đồng không do lỗi của nhà thầu, thì những khối lượng thực hiện từ năm 2007 được điều chỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư này.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty Nhà nước tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư, các nhà thầu thực hiện nghiêm túc việc điều chỉnh giá vật liệu xây dựng, điều chỉnh dự toán, giá gói thầu, tổng mức đầu tư, hợp đồng theo hướng dẫn tại Thông tư này; Chỉ đạo các chủ đầu tư không vì việc điều chỉnh chi phí xây dựng công trình làm ảnh hưởng tiến độ thi công, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thi công xây dựng các công trình, đặc biệt là các công trình trọng điểm quốc gia.

- Điều chỉnh dự toán xây dựng công trình theo chế độ tiền lương mới thực hiện theo hướng dẫn tại các Thông tư số 07/2006/TT-BXD ngày 10/11/2006, Thông tư số 03/2008/TT-BXD ngày 25/01/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán xây dựng công trình.

- Việc chuyển tiếp các dự án đầu tư xây dựng công trình theo qui định của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP về Quản lý chi phí đầu tư xây

dựng công trình (bao gồm tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, định mức và giá xây dựng, hợp đồng trong hoạt động xây dựng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình) thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định. Đối với dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Tập đoàn kinh tế, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Nhà nước quyết định.

- Đối với các hợp đồng xây dựng đã được thanh toán xong trong năm 2007 (đã thanh toán hết giá hợp đồng bao gồm cả giá trị của hợp đồng đã được ký kết và phần bổ sung nếu có trong năm 2007), trừ các khoản bảo hành theo qui định thì không được điều chỉnh giá vật liệu xây dựng.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 05/2008/TT-BXD ngày 22/02/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá và hợp đồng xây dựng do biến động giá nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu xây dựng.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch Xây dựng

Ngày 31/3/2008, Bộ Xây dựng đã ban hành "Quy định nội dung thể hiện bản vẽ trong Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch Xây dựng" và "Quy định nội dung thuyết minh Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch Xây dựng" kèm theo Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD.

Theo "Quy định nội dung thể hiện bản vẽ trong Nhiệm vụ và Đồ án Quy hoạch Xây dựng", đối với đồ án quy hoạch xây dựng vùng,

bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng là sơ đồ vị trí, ranh giới và mối liên hệ vùng, tỷ lệ 1/100.000 - 1/500.000, nội dung trong bản vẽ cần thể hiện sơ đồ vị trí, ranh giới, quy mô của vùng nghiên cứu và các mối quan hệ liên vùng về các mặt địa lý tự nhiên; các điểm dân cư đô thị; các cơ sở kinh tế, cơ sở hạ tầng kỹ thuật có ảnh hưởng tới vùng quy hoạch.

Bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng

đô thị là sơ đồ, vị trí, ranh giới và mối liên hệ vùng, tỷ lệ 1/25.000 - 1/100.000. Nội dung trong bản vẽ cần làm rõ thêm các mối quan hệ có tác động trực tiếp giữa vùng quy hoạch và đô thị quy hoạch trong trường hợp đã có đồ án quy hoạch xây dựng vùng được duyệt hoặc thỏa thuận. Trường hợp chưa có đồ án quy hoạch xây dựng vùng được duyệt hoặc thỏa thuận thì cần thể hiện các mối quan hệ tương hỗ giữa đô thị và vùng có liên quan về các mặt kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các vấn đề khác tác động đến phát triển đô thị.

Đối với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết 1/5.000 - 1/10.000 cần thể hiện được vị trí, giới hạn và phạm vi khu đất lập quy hoạch chi tiết, mối quan hệ về phân khu chức năng không gian quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật với các khu vực lân cận hoặc toàn đô thị, các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật có liên quan đến khu đất lập quy hoạch chi tiết do đồ án quy hoạch chung, đồ án quy hoạch chi tiết có tỷ lệ nhỏ hơn quy định.

Bản vẽ nhiệm vụ quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn là sơ đồ vị trí, ranh giới xã, tỷ lệ 1/25.000; ranh giới trung tâm xã hoặc điểm dân cư nông thôn tỷ lệ 1/5.000. Đối với những xã đặc thù có quy mô diện tích tự nhiên lớn, sơ đồ vị trí, ranh giới xã tỷ lệ 1/50.000.

Về thành phần và nội dung bản vẽ quy hoạch xây dựng, căn cứ khoản 1, điều 9, Nghị định số 08/2005/NĐ-CP của Chính phủ, các bản vẽ đồ án quy hoạch xây dựng vùng phải bao gồm: Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng tỷ lệ 1/100.000 - 1/500.000; Sơ đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất, tỷ lệ 1/25.000 - 1/250.000; Sơ đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường tỷ lệ 1/25.000 - 1/250.000; Sơ đồ định hướng phát triển không gian vùng, tỷ lệ 1/25.000 - 1/250.000; Sơ đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng, tỷ lệ 1/25.000 - 1/250.000; Sơ đồ đánh giá môi trường chiến lược tỷ lệ 1/25.000 - 1/250.000

Trong bản vẽ quy hoạch xây dựng vùng cần thể hiện sơ đồ và mối liên hệ vùng, sơ đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất, sơ đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, sơ đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng và sơ đồ đánh giá môi trường chiến lược.

Đối với đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị, các bản vẽ đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị được quy định cụ thể về tỷ lệ: Đối với đô thị loại đặc biệt, loại I: 1/25.000 - 1/10.000; Đối với đô thị loại II và loại III: 1/10.000; đối với đô thị loại IV: 1/10.000 - 1/5.000; Đối với đô thị loại V: 1/5.000 - 1/2.000.

Thành phần và nội dung bản vẽ đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị được thể hiện trên bản đồ nền theo tỷ lệ quy định, thể hiện sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng (1/50.000-1/250.000), sơ đồ hiện trạng tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng; các sơ đồ phân tích và sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị (tối thiểu 2 phương án kể cả phương án chọn); Sơ đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch; Định hướng phát triển không gian đô thị; Các sơ đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Sơ đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

Đối với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy cách thể hiện hồ sơ (ký hiệu, đường nét, màu sắc...) theo Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22/7/2005 của Bộ Xây dựng. Thành phần và nội dung các bản vẽ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 bao gồm Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000; Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng; Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất; Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan; Các bản vẽ minh họa; Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng; Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường; Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật.

Đối với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ

lệ 1/500: Sơ đồ vị trí, ranh giới khu đất thiết kế được trích từ bản đồ quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 - 1/10.000 hoặc đồ án quy hoạch chi tiết 1/2.000. Nội dung cần xác định rõ vị trí, giới hạn và phạm vi khu đất lập quy hoạch chi tiết; mối quan hệ về phân khu chức năng, không gian quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật với các khu vực lân cận hoặc toàn đô thị; Xác định vùng ảnh hưởng đến kiến trúc cảnh quan khu vực lập quy hoạch chi tiết; Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật có liên quan.

Đối với đồ án quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, thành phần bản vẽ bao gồm: Sơ đồ hiện trạng tổng hợp, đánh giá đất xây dựng tỷ lệ 1/5.000 - 1/25.000; Sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường tỷ lệ 1/5.000 - 1/25.000; Bản đồ quy hoạch tổng thể không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn, tỷ lệ 1/500 - 1/2.000. Nội dung các bản vẽ phải thể hiện được sơ đồ hiện trạng tổng hợp và đánh giá đất xây dựng; sơ đồ định hướng phát triển mạng lưới điểm dân cư nông thôn và hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn xã; bản đồ quy hoạch tổng thể không gian kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn.

"Quy định nội dung thuyết minh nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng" yêu cầu:

Nội dung lập Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng cần xác định rõ phạm vi, mục tiêu, các yêu cầu cần nghiên cứu và hồ sơ sản phẩm của đồ án, làm rõ lý do và sự cần thiết lập quy hoạch, các căn cứ lập quy hoạch, nội dung nghiên cứu quy hoạch, hồ sơ sản phẩm và dự toán kinh phí, việc tổ chức thực hiện.

Nội dung nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị cần xác định rõ: Mục tiêu, quan điểm phát triển đô thị, ranh giới nghiên cứu và phạm vi lập quy hoạch chung xây dựng, các yêu cầu cần nghiên cứu và hồ sơ sản phẩm của đồ án.

Nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị bao gồm:

- Đối với Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2.000, cần xác định rõ: Mục tiêu, yêu cầu

phát triển đô thị về sử dụng đất, cảnh quan - kiến trúc - môi trường; yêu cầu về sự kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật với khu vực lân cận phù hợp với quy hoạch chung xây dựng được duyệt và các yêu cầu về nội dung đồ án quy hoạch chi tiết được quy định tại điều 24 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP về quy hoạch xây dựng.

- Đối với Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500, cần cụ thể hóa Mục tiêu; yêu cầu đầu tư xây dựng; yêu cầu về sử dụng đất, cảnh quan - kiến trúc - môi trường; yêu cầu về sự kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật với khu vực lân cận phù hợp với quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 được duyệt; và các yêu cầu về nội dung đồ án quy hoạch chi tiết được quy định tại điều 24 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP về quy hoạch xây dựng.

Nội dung nhiệm vụ quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn: Tùy thuộc vào tính chất của từng xã, điểm dân cư, Nhiệm vụ quy hoạch cần làm rõ các yêu cầu nội dung nghiên cứu và sản phẩm phải thực hiện theo các nội dung chính như lý do và sự cần thiết lập quy hoạch, căn cứ lập quy hoạch, các yêu cầu nội dung nghiên cứu quy hoạch, hồ sơ sản phẩm và dự toán kinh phí, tổ chức thực hiện.

Về nội dung thuyết minh đồ án quy hoạch xây dựng:

Căn cứ Điều 8 và khoản 2 Điều 9, Nghị định số 08/2005/NĐ-CP, nội dung thuyết minh quy hoạch xây dựng vùng phải phù hợp với Nhiệm vụ thiết kế Quy hoạch xây dựng vùng được phê duyệt.

Trong thuyết minh cần có các sơ đồ, bảng biểu phân tích, đánh giá và các hình ảnh minh họa. Phần mở đầu của thuyết minh phải nêu rõ sự cần thiết và các căn cứ lập quy hoạch, quan điểm và mục tiêu đồ án. Phần đánh giá tổng quan thực trạng và nguồn lực phát triển vùng bao gồm vị trí và giới hạn vùng quy hoạch, phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất đai và hệ thống hạ tầng xã hội, kỹ thuật và môi trường...; Trong thuyết minh còn bao gồm các phần về các tiền đề phát triển vùng, định hướng phát triển không

gian vùng, định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật, các dự án ưu tiên đầu tư, cơ chế quản lý phát triển vùng, các kết luận và kiến nghị.

Nội dung thuyết minh quy hoạch chung xây dựng đô thị, căn cứ Điều 16 và khoản 2, Điều 17 Nghị định số 08/2005/NĐ-CP của Chính phủ về quy hoạch xây dựng, phải phù hợp với nhiệm vụ thiết kế Quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt. Phần mở đầu cần nêu rõ sự cần thiết phải lập hoặc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị, các căn cứ thiết kế quy hoạch, mục tiêu và nhiệm vụ của đồ án.

Các nội dung thuyết minh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, thuyết minh quy hoạch xây

dựng điểm dân cư nông thôn cũng được quy định chi tiết trong Quy định này.

Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Các Quy định được ban hành kèm theo Quyết định này thay thế cho "Phụ lục số 1" và "Phụ lục số 2" được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2005/TT-BXD ngày 19/8/2005 của Bộ Xây dựng về "Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng".

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Chỉ thị số 04/CT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng năm 2008 với các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng

Ngày 07/4/2008, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã có Chỉ thị số 04/2008/CT-BXD về thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng năm 2008 với các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng. Tại Chỉ thị này, Bộ trưởng Bộ Xây dựng yêu cầu Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc các Tổng Công ty, Thủ trưởng các đơn vị và Giám đốc các công ty trực thuộc Bộ Xây dựng tổ chức thực hiện các nội dung sau:

1. Về triển khai các nhiệm vụ công tác quốc phòng thường xuyên của đơn vị.

- Tiếp tục phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X về nhiệm vụ quốc phòng an ninh; Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 8 (Khoá IX) về chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới; Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/05/2004 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương; Chỉ thị số 36/2005/CT-TTg ngày 17/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

trong tình hình mới.

Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 51- NQ/TW ngày 20/07/2005 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy, gắn với thực hiện chế độ chính uỷ, chính trị viên trong Quân đội cũng như trong các Ban chỉ huy quân sự của đơn vị; Pháp lệnh Dân quân tự vệ ngày 29/4/2004 và Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh Dân quân tự vệ và Thông tư hướng dẫn thực hiện số 171/2004/TT-BQP ngày 15/12/2004 của Bộ Quốc phòng.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quân sự địa phương thực hiện công tác tổ chức, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; quản lý, huy động lực lượng dự bị động viên, tuyển quân và tham gia xây dựng lực lượng vũ trang địa phương; thực hiện công tác phòng thủ dân sự và sẵn sàng thực hiện động viên công nghiệp, huy động các nguồn lực của đơn vị để phục vụ công tác quốc phòng theo yêu cầu; coi

trọng công tác giáo dục, bồi dưỡng phát triển đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên của đơn vị.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của dân quân tự vệ, nhất là trong việc phối hợp với Công an theo Quyết định số 107/2003/QĐ-TTg ngày 02/6/2003 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới; tăng cường luyện tập phương án phòng chống lụt bão, tìm kiếm, cứu nạn, cứu trợ và xử trí tốt khi có tình huống xảy ra.

- Nắm vững và làm tốt công tác đăng ký, quản lý thanh niên trong độ tuổi nhập ngũ và lực lượng dự bị động viên của đơn vị; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho cán bộ chủ chốt các đơn vị.

- Kiên toàn, củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác quốc phòng, các đơn vị khẩn trương phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự địa phương các cấp để thành lập Ban chỉ huy quân sự theo đúng các quy định mới của Bộ Quốc phòng. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện công tác quốc phòng của đơn vị.

- Phối hợp với các cơ quan quân sự địa phương thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra về công tác quốc phòng ở cơ sở, cả thường xuyên và đột xuất.

- Thực hiện tốt cơ chế lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực quốc phòng. phát huy vai trò của cán bộ và Ban chỉ huy quân sự các cấp. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách. Các Ban chỉ huy quân sự các đơn vị, các cán bộ được phân công chuyên trách phải thực hiện nghiêm túc Quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng hiện hành.

2. Về công tác giáo dục quốc phòng

- Triển khai thực hiện Nghị định số 116/2007/NĐ-CP ngày 10/7/2007 của Chính phủ về Giáo dục quốc phòng- an ninh; Quyết định số 389/QĐ-BQP ngày 27/2/2007 của Bộ

trưởng Bộ Quốc phòng về ban hành Chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng –an ninh cho cán bộ, công chức và đảng viên; Kế hoạch 615/KH-HĐGDQPANTW ngày 12/2/2008 của Ban thường trực Hội đồng giáo dục quốc phòng - an ninh Trung ương năm 2008; chú trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác giáo dục quốc phòng trong các trường, hoàn chỉnh quy chế, duy trì hoạt động có nề nếp và nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục quốc phòng, duy trì hoạt động có nề nếp và nâng cao hiệu quả của công tác giáo dục quốc phòng.

- Chú ý cập nhật các nội dung mới trong công tác giáo dục quốc phòng như kiến thức về công tác Phòng không nhân dân, về Khu vực phòng thủ đưa vào tài liệu giảng dạy để nâng cao kiến thức quốc phòng của cán bộ, công nhân, học sinh, sinh viên trong ngành xây dựng, đáp ứng được nhu cầu trong tình hình mới.

- Các trường đào tạo thuộc Bộ phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ nội dung, chương trình môn học giáo dục quốc phòng cho các học sinh, sinh viên; không ngừng nghiên cứu đổi mới hình thức, phương pháp tuyên truyền giáo dục để đạt hiệu quả thiết thực.

3. Về việc xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ

- Các đơn vị cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quân sự địa phương nơi đóng quân để thực hiện tốt công tác xây dựng khu vực phòng thủ.

- Việc lập kế hoạch xây dựng các dự án kinh tế phải dựa trên cơ sở bảo đảm an ninh quốc phòng, đặc biệt là ở các địa bàn trọng điểm Tây Nguyên, Tây Bắc, duyên hải Trung bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

4. Về công tác hậu phương- Quân đội :

- Các đơn vị cần phát huy việc thực hiện công tác hậu phương - Quân đội đã được triển khai tốt trong các năm qua, tăng cường giúp đỡ các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, hỗ trợ thường xuyên các đồng chí thương bệnh binh gặp

nhieu khó khăn. các gia đình chính sách tại nơi đơn vị đứng chân.

5. Tổ chức thực hiện:

- Giao Ban chỉ huy quân sự Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch thống kê, Vụ

Tổ chức cán bộ, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp tình hình báo cáo Lãnh đạo Bộ kết quả thực hiện Chỉ thị của Bộ trưởng.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch Xây dựng"

Ngày 03/4/2008, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD về việc ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch Xây dựng". Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng trên phạm vi cả nước.

Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng là những quy định bắt buộc phải tuân thủ trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng; là cơ sở pháp lý để quản lý việc ban hành, áp dụng các tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng và các quy định về quản lý xây dựng theo quy hoạch tại địa phương.

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng có 7 chương bao gồm Các Quy định chung, Quy hoạch không gian, Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật, Quy hoạch giao thông, Quy hoạch cấp nước, Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang, Quy hoạch cấp điện.

Quy chuẩn này thay thế Phần II (về quy hoạch xây dựng) - Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam - Tập 1 - 1997.

(Xem toàn văn tại: www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Giới thiệu Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy định một số điều Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Nhà nước do UBND thành phố Hà Nội quản lý theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/1/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Chính phủ

Ngày 31/3/2008, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 15/2008/QĐ-BXD ban hành "Quy định một số điều Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Nhà nước do UBND thành phố Hà Nội quản lý theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/1/2008 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Chính phủ". Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước do UBND thành phố Hà Nội quản lý, bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh và vốn đầu tư khác của Nhà nước. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn khác trên địa bàn thành phố Hà Nội có thể tham khảo quy định này để áp dụng.

Phạm vi điều chỉnh của Quy định này là hướng dẫn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình bao gồm: định mức xây dựng và đơn giá xây dựng, tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước do UBND thành phố Hà Nội quản lý. Đối với các công trình sử dụng nguồn vốn ODA do UBND thành phố Hà Nội quản lý, nếu điều ước quốc tế đã ký kết có những quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình khác với quy định này thì thực hiện theo điều ước quốc tế.

Việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thực hiện theo Điều 3, Nghị định số 99/2007/NĐ-CP. Chủ đầu tư quyết định việc áp dụng, vận dụng định mức xây dựng, đơn giá xây dựng công trình do Bộ Xây dựng, UBND thành phố Hà Nội công bố để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

Trên cơ sở yêu cầu của mục tiêu sử dụng, thiết kế công nghệ, công năng sử dụng của công trình, chủ đầu tư, đơn vị tư vấn lựa chọn một trong các phương pháp xác định tổng mức đầu tư theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD của Bộ Xây dựng để xác định tổng mức đầu tư phù hợp và đáp ứng đủ chi phí đầu tư cũng như đạt hiệu quả đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình.

Nội dung dự toán xây dựng công trình được thực hiện theo quy định tại Điều 8, Nghị định 99/2007/NĐ-CP. Nguyên tắc và phương pháp xác định dự toán theo hướng dẫn tại Thông tư 05/2007/TT-BXD.

Về quản lý định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng: Đối với công tác xây dựng có trong hệ thống định mức xây dựng do Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội công bố nhưng chưa phù hợp với biện pháp, điều kiện thi công, yêu cầu kỹ thuật của công trình hoặc đối với các công tác xây dựng chưa có trong hệ thống định mức xây dựng được công bố, Chủ đầu tư, nhà thầu, tổ chức tư vấn căn cứ theo Thông tư 05/2007/TT-BXD để xây dựng định mức, và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ định mức bổ sung, điều chỉnh.

Trường hợp sử dụng các định mức xây dựng mới, hoặc điều chỉnh chưa có trong hệ thống định mức xây dựng do Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội công bố làm cơ sở lập đơn giá để thanh toán đối với các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước do UBND thành phố Hà Nội quản lý áp dụng hình thức chỉ định thầu thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét, quyết định. Riêng công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư thì Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội xem xét quyết định.

Chủ đầu tư hoặc tổ chức tư vấn, cá nhân tư vấn có đủ năng lực kinh nghiệm do Chủ đầu tư thuê lập đơn giá xây dựng công trình căn cứ các phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình

theo hướng dẫn của Thông tư 05/2007/TT-BXD để thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả lập đơn giá xây dựng công trình.

Đối với giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình chưa có trong bảng giá ca máy và thiết bị thi công công trình công bố hoặc có trong bảng giá công bố nhưng chưa phù hợp thì chủ đầu tư, các tổ chức liên quan căn cứ phương pháp xác định giá ca máy tại Thông tư

số 07/2007/TT-BXD của Bộ Xây dựng để xây dựng giá ca máy thi công và phải được UBND thành phố chấp thuận trước khi thực hiện đối với công trình xây dựng đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách.

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Giới thiệu Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội về việc công bố định mức dự toán xây dựng công trình thành phố Hà Nội - phần xây dựng; Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình; Đơn giá xây dựng công trình thành phố Hà Nội - phần xây dựng, phần lắp đặt, phần khảo sát xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 31/3/2008, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định số 17/2007/QĐ-UBND công bố định mức dự toán xây dựng công trình thành phố Hà Nội - phần xây dựng; Bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình; Đơn giá xây dựng công trình thành phố Hà Nội - phần xây dựng, phần lắp đặt, phần khảo sát xây dựng để các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình đối với các công trình xây dựng sử dụng nguồn vốn nhà nước do UBND thành phố Hà Nội quản lý.

Các tổ chức, cá nhân có liên quan khi sử dụng hệ thống đơn giá công bố tại Quyết định này phải căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số

05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng và Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 31/3/2008 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định một số điều quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước do UBND thành phố Hà Nội quản lý theo Nghị định số 99/2007/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 03/2008/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký

(Xem toàn văn tại: www.vietnam.gov.vn)

Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu chịu lửa Manhêdi - cacbon - Phương pháp xác định hàm lượng cacbon tổng”

Gạch MgO – C là loại vật liệu chịu lửa được sử dụng nhiều cho lò điện. Gạch MgO – C hiện nay được chế tạo có hàm lượng cacbon tối thiểu đạt 8%. Tuy nhiên, trong bộ tiêu chuẩn của Việt Nam hiện nay vẫn chưa có tiêu chuẩn về phân tích cacbon trong vật liệu chịu lửa, đặc biệt là vật liệu chịu lửa MgO – C. Một số tiêu chuẩn quốc tế khác như ISO, ASTM, BS... chưa có các tiêu chuẩn chính thức về phân tích cacbon có hàm lượng lớn trong vật liệu chịu lửa. Hiện nay, các bộ tiêu chuẩn này vẫn thường chỉ xoay quanh xác định cacbon trong các loại vật liệu kim loại như sắt, thép, quặng, các nhiên liệu khoáng rắn, v.v... Riêng Trung Quốc có tiêu chuẩn GB/T 13245 – 91 xác định tổng hàm lượng cacbon trong vật liệu chịu lửa theo phương pháp đốt cháy – khối lượng với phạm vi xác định cacbon trong khoảng từ 5 – 40%.

Với mục đích xây dựng tiêu chuẩn quốc gia về phương pháp phân tích xác định hàm lượng cacbon trong vật liệu chịu lửa Manhêdi – cacbon, ngày 04/4/2008, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHCN chuyên ngành Xây dựng đã tiến hành nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu chịu lửa Manhêdi – cacbon – Phương pháp xác định hàm lượng cacbon tổng” do kỹ sư Nguyễn Đỗ Công thuộc Viện Vật liệu Xây dựng chủ trì thực hiện.

Dự thảo được xây dựng nhằm đảm bảo tính thống nhất cao về phương pháp phân tích trong toàn ngành, đảm bảo độ chính xác kết quả phân tích giữa các phòng thí nghiệm tương đương nhau và đáp ứng yêu cầu thực tế của các đơn vị sản xuất và sử dụng loại vật liệu này. Nhóm tác giả đã biên soạn dự thảo tiêu chuẩn xác định hàm lượng cacbon trong đối tượng

mẫu vật liệu chịu lửa Manhêdi – cacbon theo cả hai phương pháp đã được công nhận và sử dụng chủ yếu trong các tiêu chuẩn quốc tế như GB, ASTM, ISO... và phù hợp với các điều kiện trong nước. Hai phương pháp xác định hàm lượng cacbon được đề cập là phương pháp đốt cháy – khối lượng và phương pháp đốt cháy – hấp thụ hồng ngoại. Hai phương pháp này có cùng cách phân giải mẫu, tuy có phương pháp xác định hàm lượng cacbon khác nhau nhưng đều là phương pháp có độ chính xác cao. Phương pháp đốt cháy – khối lượng có ưu điểm là phạm vi phân tích rộng, hệ thống đơn giản, không đắt tiền, dễ thao tác, dễ sử dụng và đây cũng là phương pháp trọng tài với dải hàm lượng cacbon cao. Tuy nhiên phương pháp này có thời gian phân tích kéo dài, khó xác định được điểm kết thúc của quá trình. Còn phương pháp đốt cháy – hấp thụ hồng ngoại là phương pháp được ứng dụng nhiều trong các tiêu chuẩn quốc tế và hiện nay đang được ứng dụng tại Viện Vật liệu Xây dựng, dùng để kiểm định hàm lượng cacbon có trong các dạng vật liệu khác nhau với dải hàm lượng nhỏ. Phương pháp này có một số ưu điểm như có hệ thống đốt cháy hiện đại, thời gian đạt nhiệt độ phân huỷ nhanh và hệ thống hấp thụ CO₂ bằng hồng ngoại nên kết quả phân tích rất chính xác, có thể tự động hoá, hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu phân tích nhanh, chính xác, phục vụ kịp thời sản xuất và nghiên cứu. Do có cùng cách phân giải mẫu và là hai phương pháp phổ biến nên nhóm tác giả đưa ra hai quy trình thống nhất cho hai phương pháp, tính toán giá trị phân tích và so sánh chênh lệch.

Nội dung của dự thảo gồm 11 phần, trong

đó quy định cụ thể các loại hoá chất, thuốc thử, dụng cụ, thiết bị, lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử để phục vụ công tác xác định hàm lượng cacbon tổng. Với các thiết bị phân tích hiện đại, hoá chất và thuốc thử thường được cung cấp đồng bộ kèm theo thiết bị, do nhà sản xuất thiết bị quy định về số lượng, chất lượng phù hợp, tương ứng với yêu cầu phân tích. Trong quá trình phân tích định lượng cacbon cần có các dụng cụ thiết bị như dự thảo tiêu chuẩn đã nêu. Các thiết bị là tập hợp một nhóm bộ phận hợp thành, là sản phẩm của cơ, quang, điện, máy tính, kỹ thuật phân tích chính xác, yêu cầu sự phối hợp, lắp đặt đồng bộ theo đúng quy trình tài liệu hướng dẫn. Việc xác định hàm lượng cacbon tổng dựa trên nguyên tắc đốt cháy mẫu thử cùng với chất xúc tác ở nhiệt độ cao trong môi trường ôxy để chuyển hoá toàn bộ lượng cacbon thành CO₂ sử dụng chất hấp thụ (amiăng kiềm) hoặc dựa vào tín hiệu hấp thụ hồng ngoại tại bước sóng 4,26 micromét của CO₂ để xác định hàm lượng cacbon tổng.

Dự thảo này quy định phương pháp xác định hàm lượng cacbon tổng trong vật liệu chịu lửa

Manhêdi – cac bon. Dự thảo này cũng có thể mở rộng áp dụng để xác định hàm lượng cacbon có trong mẫu vật liệu chịu lửa Alumin – cacbon, Đôlômi – cacbon, hàm lượng cacbon tới 40% theo TCVN 5441:2004 – Vật liệu chịu lửa – Phân loại.

Dự kiến sau khi được ban hành, dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu chịu lửa Manhêdi – cacbon – Phương pháp xác định hàm lượng cacbon tổng” là tiêu chuẩn thống nhất trên toàn quốc về phương pháp xác định hàm lượng cacbon trong vật liệu chịu lửa Manhêdi – cacbon. Bản dự thảo tiêu chuẩn đã được nghiên cứu, biên soạn dựa trên cơ sở kết hợp các phương pháp thử nghiệm của các tiêu chuẩn trong và ngoài nước, đồng thời có sự lựa chọn áp dụng phương pháp thử cho phù hợp với điều kiện thí nghiệm trong nước. Do đó, nội dung của bản tiêu chuẩn đã cập nhật được phương pháp hiện đại trên thế giới và có khả năng áp dụng tại Việt Nam. Dự thảo đã được Hội đồng đánh giá cao và xếp loại Xuất sắc.

Nguyễn Hồng Trang

Nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình – Phương pháp thử”

Vật liệu cách nhiệt hay vật liệu nhẹ được sử dụng rộng rãi dưới dạng gạch nhằm giảm tiêu hao năng lượng, bảo vệ thiết bị và con người. Tính chất kỹ thuật, giá trị kinh tế và điều kiện sử dụng của vật liệu cách nhiệt là các tiêu chí giúp cho việc lựa chọn sản phẩm mang lại hiệu quả cao. Để đánh giá chỉ tiêu kỹ thuật của sản phẩm cách nhiệt, đã có nhiều tiêu chuẩn và phương pháp thử khác nhau tương ứng với các đặc điểm kỹ thuật của từng loại vật liệu. Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình nói chung hay vật liệu cách nhiệt định hình nói riêng cần có các phép thử riêng để đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật, trong đó có ba chỉ tiêu kỹ thuật quan trọng là

khối lượng thể tích, độ xốp thực và độ bền nén ở nhiệt độ thường. Việc kiểm tra đánh giá các chỉ tiêu kỹ thuật của vật liệu chịu lửa định hình vẫn được áp dụng theo tiêu chuẩn TCVN 6530:1999 song thực tế khi áp dụng một số phép thử trong bộ tiêu chuẩn TCVN 6530:1999 lại chưa phù hợp do đặc trưng cấu trúc của vật liệu cách nhiệt khác với vật liệu sét đặc có tỷ lệ pha khí (lỗ xốp) lớn. Do đó, hai chỉ tiêu độ bền nén và khối lượng thể tích sản phẩm cần được xem xét hiệu chỉnh.

Xuất phát từ yêu cầu trên, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành đã tiến hành nghiệm thu dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu chịu lửa

cách nhiệt định hình – Phương pháp thử” do Kỹ sư Nguyễn Thị Luận thuộc Viện Vật liệu Xây dựng chỉ trì thực hiện.

Bố cục của dự thảo được biên soạn theo đúng quy định ban hành. Nội dung được chia làm hai phần, bao gồm Phương pháp xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường và Phương pháp xác định khối lượng thể tích và độ xốp thực. Nội dung của hai phần đều có các mục Phạm vi áp dụng; Tài liệu viện dẫn; Thiết bị, dụng cụ; Chuẩn bị mẫu thử; Tiến hành thử; Tính kết quả thử và Báo cáo kết quả.

Phần I – Xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường quy định phương pháp xác định độ bền nén ở nhiệt độ thường cho các sản phẩm vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình và cũng có thể áp dụng cho tính chất cách nhiệt khác. Phương pháp xác định dựa trên nguyên tắc: mẫu thử có kích thước xác định được đem nén với tải trọng tăng dần theo một tốc độ không đổi cho đến khi mẫu bị phá huỷ hoặc chiều cao mẫu thử giảm còn 90% so với kích thước ban đầu. Độ bền nén ở nhiệt độ thường được tính bằng giá trị tải trọng lớn nhất đo được trong quá trình nén chia cho diện tích bề mặt mẫu chịu tải trọng của mẫu thử.

Phần II – Xác định khối lượng thể tích và độ xốp thực quy định phương pháp xác định khối lượng thể tích và độ xốp thực cho các sản phẩm vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình theo định nghĩa của tiêu chuẩn TCVN 7453:2004 Vật liệu chịu lửa. Thuật ngữ và định nghĩa. Phương pháp xác định dựa trên nguyên tắc đo kích

thước của mẫu thử có hình dạng hình học cụ thể. Khối lượng thể tích và độ xốp thực được xác định bằng công thức tính từ các giá trị đó và khối lượng riêng.

Dự kiến sau khi ban hành, dự thảo tiêu chuẩn “Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình – Phương pháp thử” là tiêu chuẩn mang tính quy định và thống nhất về phương pháp xác định độ bền nén, khối lượng thể tích và độ xốp thực cho sản phẩm vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình. Việc áp dụng tiêu chuẩn này một cách thống nhất trong phạm vi toàn quốc sẽ đảm bảo xác định chính xác tính chất độ bền nén, khối lượng thể tích sản phẩm, tạo ra sự phù hợp với các sản phẩm cách nhiệt định hình của các nước tiên tiến trên thế giới, tiến tới hoà nhập với tiêu chuẩn của các nước trong khu vực và trên thế giới. Việc xác định khối lượng thể tích, độ bền nén được thực hiện nhanh chóng, đơn giản, do đó có thể giúp các nhà sản xuất xác định được chất lượng sản phẩm để có thể có những điều chỉnh phù hợp về công nghệ sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm cách nhiệt định hình của Việt Nam. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn này cũng giúp cho các nhà quản lý và người sử dụng lựa chọn được các sản phẩm có chất lượng. Với các ưu điểm kể trên, dự thảo “Vật liệu chịu lửa cách nhiệt định hình – Phương pháp thử” đã được Hội đồng đánh giá cao và xếp loại Xuất sắc.

Nguyễn Hồng Trang

Nghiệm thu đề tài: Các chế tài hạn chế, phòng ngừa và xử lý lãng phí thất thoát trong đầu tư xây dựng (sử dụng vốn Nhà nước)

Ngày 29/2/2008 Hội đồng Khoa học công nghệ chuyên ngành Bộ Xây dựng đã xem xét kết quả thực hiện đề tài “Các chế tài hạn chế, phòng ngừa và xử lý lãng phí thất thoát trong

đầu tư xây dựng” (sử dụng vốn Nhà nước) mã số RD 09-06 do Tổng Hội Xây dựng Việt Nam thực hiện và TS. Phạm Sỹ Liêm là Chủ nhiệm đề tài.

Nước ta đang triển khai mạnh mẽ cuộc đấu tranh chống tham nhũng và lãng phí. Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 8 tháng 11/2005 đã thông qua hai đạo luật quan trọng là Luật số 48/2005/QH11 về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật số 55/2005/QH11 về Phòng, chống tham nhũng nhằm tạo khuôn khổ pháp lý vững chắc cho cuộc đấu tranh khó khăn và gian khổ này.

Tham nhũng và lãng phí trong đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước đã gây ra thất thoát khá lớn tài sản của nhà nước. Theo kết quả nghiên cứu của đề tài do Bộ Xây dựng giao cho Tổng Hội Xây dựng Việt Nam thực hiện năm 2004 thì tỷ lệ thất thoát có thể đạt tới 15% tổng vốn đầu tư của Nhà nước hàng năm. Vì vậy, chống tham nhũng và lãng phí trong đầu tư xây dựng là bộ phận quan trọng của cuộc đấu tranh chống tham nhũng của toàn xã hội. Hai Luật đều có nhiều điều quy định cụ thể đối với đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn nhà nước.

Bộ Xây dựng với trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện hai Luật nêu trên vào lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công, ngày 26/4/2006 đã ký kết hợp đồng nghiên cứu đề tài: Các chế tài hạn chế, phòng ngừa và xử lý lãng phí thất thoát trong đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước với Tổng Hội Xây dựng Việt Nam.

Đề tài đặt ra 2 mục tiêu nghiên cứu sau:

- Đề xuất các chế tài xử lý những đối tượng không thực hiện đúng những quy định của luật pháp, gây ra lãng phí, thất thoát, tham nhũng trong quá trình thực hiện đầu tư xây dựng. Tác dụng của chế tài làm cho các đối tượng không thể tùy tiện, coi thường việc thực thi luật pháp,
- Nghiên cứu đề xuất các biện pháp chế tài để làm cơ sở soạn thảo nghị định thi hành các điều khoản của Luật Phòng chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí có liên quan đến đầu tư xây dựng.

Để thực hiện hai mục tiêu nêu trên, Đề tài đã xác định giới hạn phạm vi nghiên cứu tập trung vào các chế tài đối với các vi phạm pháp luật gây ra lãng phí, thất thoát, tham nhũng đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà

nước. Đề tài nghiên cứu này chỉ tập trung xem xét các vi phạm pháp luật dẫn đến lãng phí, thất thoát, tham nhũng trong các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước và có liên quan trực tiếp đến Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật Phòng chống tham nhũng.

Trong các hoạt động nghiên cứu và hội thảo liên quan đến vấn đề chống thất thoát lãng phí và chống tham nhũng trong đầu tư xây dựng và nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng, phương pháp SWOT đã được sử dụng rộng rãi để đánh giá thực trạng và cách tiếp cận thể chế để phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp. Do vậy, nhóm đề tài đã sử dụng phương pháp SWOT trong nghiên cứu những vấn đề đặt ra đối với Đề tài, ngoài ra do Đề tài liên quan đến hai lĩnh vực rộng lớn về pháp luật và xây dựng, đề cập các quan hệ về quyền lợi và nghĩa vụ rất phức tạp và đa dạng trong quá trình đầu tư và xây dựng, nên ngoài phương pháp phân tích SWOT và cách tiếp cận kể trên, nhóm đề tài còn áp dụng cách tiếp cận tổng hợp hướng vào trọng điểm, lấy Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí làm cơ sở.

Kết quả nghiên cứu của Đề tài là phương pháp luận và bản đề xuất chế tài nhằm bảo đảm cho các quy định của hai Luật nêu trên có liên quan đến đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước được tuân thủ và thi hành nghiêm túc.

Bản đề xuất của Đề tài gồm có 2 phần:

Phần 1: Đề xuất các chế tài cụ thể liên quan đến các hành vi vi phạm Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Phần 2: Đề xuất biện pháp hoàn thiện việc thực hiện chế tài.

Các chế tài đề xuất liên quan đến hành vi vi phạm Luật phòng chống tham nhũng được quy định trong:

Điều 13: Công khai, minh bạch trong mua sắm công và xây dựng cơ bản:

Điểm 1: Việc mua sắm công và xây dựng cơ bản phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điểm 2. Một số nội dung cần công khai đối

với trường hợp mua sắm công và xây dựng cơ bản mà pháp luật quy định phải đấu thầu;

Điều 14: Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Điều 15: Công khai, minh bạch về tài chính và ngân sách nhà nước

Khoản 4: Các nội dung cần công khai đối với dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước;

Điều 20: Kiểm toán việc sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước;

Các chế tài đề xuất liên quan đến hành vi vi phạm Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí được quy định trong những điều sau: Điều 26: Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch danh mục dự án đầu tư; Điều 27: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư; Điều 28: Khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; Điều 29: Lập, thẩm định, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình; Điều 30: Lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát thực hiện dự án đầu tư; Điều 31: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình; Điều 32: Cấp, thanh toán và quyết toán vốn cho dự án đầu tư; Điều 33: Bố trí nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư;

Nhóm đề tài cũng đã đề xuất một số biện

pháp hoàn thiện việc thực hiện chế tài, như: Nâng cao hiệu quả xử phạt vi phạm hành chính; tăng cường giám sát đối với việc thực hiện chế tài; tăng cường trách nhiệm thanh tra, kiểm tra; biên soạn sách giải thích và hướng dẫn thi hành các điều khoản của Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng.

Các chế tài đề xuất cần phải đáp ứng yêu cầu về tính khả thi phù hợp điều kiện thực tiễn Việt Nam, từng bước hội nhập quốc tế.

Các kết quả nghiên cứu của đề tài là căn cứ cụ thể để cụ thể hoá vào văn bản pháp quy của các cấp, các ngành quản lý nhà nước có trách nhiệm xử lý vi phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng, lãng phí thất thoát trong đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước, mặt khác đó còn là tài liệu tham khảo trong đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho các đối tượng thuộc các chủ thể hoạt động trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

Hội đồng Khoa học công nghệ Bộ Xây dựng đã nghiệm thu kết quả của Đề tài.

Huỳnh Phước

Tấm ốp tường nhôm composit

Tại Hội chợ Thương mại quốc tế Việt Nam lần thứ 18 VIETNAM EXPO 2008 diễn ra tại Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam từ ngày 9 -13/4/2008, Công ty ALCOPANEL đến từ Hàn Quốc đã giới thiệu loại vật liệu ốp bằng nhôm composit (Alcopanel) với nhiều tính năng nổi trội. Dưới đây là một số đặc tính kỹ thuật của tấm ốp nhôm composit.

Tấm ốp nhôm composit là loại vật liệu tổng hợp phủ nhôm bao gồm nhiều lớp được sử dụng cho việc ốp mặt ngoài công trình từ thấp tầng đến cao tầng. Cấu trúc của tấm gồm các lớp sau: Lớp lõi ở giữa bằng polyetylen không độc hại chiều dày các loại 2mm, 3mm hoặc 5mm; hai mặt của lớp lõi được phủ lớp nhôm dày

0,5mm; bên ngoài lớp nhôm lại được phủ lớp vật liệu polyeste đối với bề mặt dán vào tường công trình và phủ lớp vật liệu đã qua xử lý trước đối với mặt ngoài; bên ngoài lớp vật liệu đã qua xử lý trước này được phủ lớp vật liệu tạo màu sắc PVDF (polyvinylidene difluoride) và sau cùng là lớp màng bảo vệ màu.

Một số đặc tính kỹ thuật của tấm ốp nhôm composit: Hệ thống sơn màu con lăn công nghệ cao được sử dụng để tạo màu giúp cho tấm ốp nhôm composit có được đặc tính bền màu cao. Tấm ốp nhẹ và cứng, trọng lượng chỉ bằng khoảng một nửa so với tấm ốp nhôm có độ cứng tương đương. Tấm có độ phẳng rất cao và không bị võng hoặc biến dạng.

Tấm có khả năng chống ăn mòn cao và bền vững trong điều kiện thời tiết do được xử lý bề mặt tốt và không chịu tác động của khoảng nhiệt độ từ -50°C cho đến +80°C.

Các thao tác gia công thông thường đều có thể thực hiện đối với tấm. Những thao tác gia công như cưa, cắt, uốn cong, xoi rãnh, khoan, ghép bằng đinh tán, khắc, dập hình,... đều có thể thực hiện bằng các dụng cụ thông thường sử dụng cho việc gia công nhôm hoặc gỗ.

Mặt nhôm trước được sơn phủ PVDF có nguồn gốc từ sơn KYNAR 500 của nhà sản xuất sơn PPG nổi tiếng trên thế giới. KYNAR 500 là công thức sơn phủ hàng đầu cho nhôm, thép mạ kẽm, được áp dụng cho phương tiện đi lại như tàu xe, máy bay... Sơn PVDF có khả năng giữ màu cao, không biến đổi màu sắc khi gặp môi trường khắc nghiệt và đã đáp ứng tiêu chuẩn của tổ chức các nhà sản xuất vật liệu kiến trúc của Mỹ (AAMA). Sau khi dùng xốp tấm chất tẩy rửa tổng hợp để lau chùi các chất bẩn bám trên bề mặt như khói thuốc lá, khí thải động cơ và bụi bặm, tấm ốp nhôm composit vẫn giữ được màu sắc vốn có.

Sơn được sản xuất với các màu tiêu chuẩn tuy nhiên cũng có thể sản xuất theo yêu cầu về màu sắc của khách hàng. Khi được sản xuất theo yêu cầu của khách hàng chất lượng màu của sơn vẫn đáp ứng các yêu cầu tối thiểu.

Tấm ốp nhôm composit được sản xuất với những kích thước chủ yếu sau: chiều dày: 3mm, 4mm và 6mm; chiều rộng: 1020mm, 1250mm, 1575mm; chiều rộng lớn nhất bằng 8000mm.

Các đặc tính chung của tấm ốp nhôm composit được xác định bằng tiêu chuẩn ASTM và với tấm có chiều dày bằng 4 mm, như sau: Trọng lượng - 5,6 kg/cm²; sức bền kéo theo ASTM E8 - 4,99 kg/mm²; sức bền uốn theo ASTM E8 - 3,91 kg/mm²; giãn dài theo ASTM E8 - 7,3%; độ cứng uốn với chiều dài 20cm theo ASTM C-393 - 8,6 kg/mm²; sức đàn hồi uốn - 3222 kg/mm²; giãn nở nhiệt theo ASTM D-696 - 25.10-6/°C; độ dẫn nhiệt theo ASTM D-976 - 0,387Kcal/mhr°C; nhiệt độ uốn theo ASTM D-648 - 115°C; sức bền của các liên kết: Thử nghiệm kéo theo phương đứng theo ASTM C-297 bằng 12,37 N/mm²; thử nghiệm uốn cong thành hình trống theo ASTM D-1787 bằng 375,94mmN/mm; thử nghiệm trượt dẹt theo ASTM D-1002 bằng 8.55 N/mm².

Đặc tính chống cháy của tấm ốp nhôm composit được xác định thông qua tiêu chuẩn chống cháy BS của Anh: Thử nghiệm tiêu chuẩn BS 476 part 6 đạt class 0 và theo tiêu chuẩn BS 476 part 7 đạt class 1 và class 0.

Tấm có đặc tính cách âm cao hơn so với tấm có cùng trọng lượng được sản xuất từ các loại vật liệu khác như thép, nhôm, gỗ dán,...Thử nghiệm tấm ốp nhôm composit chiều dày 4 mm, trên nhiệt độ 20°C, độ ẩm 70% theo tiêu chuẩn ASTM E-413 cho thấy tấm đạt tiêu chuẩn phân loại cách âm cao.

Huỳnh Phước

Theo Công ty ALGOPANEL

Hội thảo Thiết bị công nghệ, phụ kiện và nguyên vật liệu mới

Nhằm nâng cao mức độ trao đổi thông tin, thương mại giữa các nhà sản xuất gạch ốp lát Việt Nam và Trung Quốc, ngày 28/3/2008 tại Hà Nội, Hiệp hội Gốm sứ xây dựng Việt Nam (VIBCA) đã phối hợp với Tạp chí Ceramic

Explorer (Trung Quốc) tổ chức Hội thảo với chủ đề Thiết bị công nghệ, phụ kiện và nguyên vật liệu mới trong trang trí gạch ốp lát.

Tham gia Hội thảo có trên 30 doanh nghiệp sản xuất và cung cấp thiết bị đến từ Trung

Quốc và Italia cùng đồng đảo các doanh nghiệp gạch ốp lát Việt Nam cũng như các chuyên gia kỹ thuật, các trường đào tạo chuyên ngành và đồng đảo các đại biểu quan tâm đến sự phát triển của ngành gốm sứ xây dựng Việt Nam và thế giới.

Hội thảo giới thiệu những sản phẩm mới, những công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực công nghệ phủ men, nguyên vật liệu trang trí, phụ kiện thay thế, tiết kiệm năng lượng cũng như những thông tin mới nhất về sự phát triển của ngành công nghiệp gốm sứ Trung Quốc.

Trung Quốc là quốc gia hàng đầu thế giới về sản xuất gốm sứ xây dựng, hàng năm sản xuất trên 5 tỷ m² gạch ốp lát, trên 100 triệu sản phẩm sứ vệ sinh; Italia hàng năm sản xuất 600 triệu m² gạch ốp lát và trên 9 triệu sản phẩm sứ vệ sinh. Việt Nam với gần 300 triệu m² gạch ốp lát và 9 triệu sản phẩm sứ vệ sinh được sản xuất hàng năm. Trung Quốc, Italia, Tây Ban Nha, Việt Nam, ... đều là những quốc gia đứng trong top 10 quốc gia hàng đầu thế giới trong lĩnh vực gốm sứ xây dựng. Đây là cuộc gặp gỡ, trao đổi và giao lưu kỹ thuật, thương mại của các doanh nghiệp của các quốc gia sản xuất gạch ốp lát hàng đầu thế giới, trong đó các doanh nghiệp Việt Nam rất quan tâm đến các thiết bị công nghệ và phụ tùng thay thế cũng như các dịch vụ từ các nhà cung cấp Trung Quốc và Italia.

Các doanh nghiệp Việt Nam đã đi sâu tìm hiểu và trao đổi để ký kết các hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực thiết bị khí hoá than tiết kiệm năng lượng, lĩnh vực men Frit trang trí bề mặt, các phương pháp công nghệ và thiết bị mới cho trang trí bề mặt, các thiết bị và phương pháp mới trong xử lý bề mặt trên cơ sở nano, các phương pháp và công nghệ mới trong cấp liệu đa cấp tạo nên các sản phẩm chất lượng cao cấp,...

Ngành gạch ốp lát Việt Nam đang phát triển mạnh đem lại doanh số hàng tỷ đô la cho GDP nhưng việc chế tạo thiết bị, phụ tùng và các vật

tư men, màu v.v... hầu như còn bỏ ngỏ. Do đó sự lựa chọn có hiệu quả những vật tư cần nhập khẩu từ Trung Quốc là một trong những yếu tố quan trọng của các doanh nghiệp gốm sứ xây dựng Việt Nam. Có thể nói cuộc hội thảo và sự tiếp xúc của các doanh nghiệp Việt Nam với các nhà cung cấp đến từ Trung Quốc và Italia,... đã giải quyết được vấn đề mà nhiều doanh nghiệp Việt Nam quan tâm.

Những báo cáo được trình bày tại Hội thảo gồm:

- Hệ thống than hoá khí tiết kiệm năng lượng (Cty Nguyên vật liệu mới Zouping Jin Gang)
- Công nghệ nano ứng dụng trong đánh bóng và mài khô (Cty TNHH Thiết bị điện máy Yida Hồ Nam)
- Ứng dụng công nghệ đa cấp liệu mới (Cty TNHH Thiết bị máy ceramic Phật Sơn Sakie)
- Công nghệ in men khô - ứng dụng công nghệ in trên băng Silicon thẳng đứng (Cty Techno Italia)
- Bước phát triển mới nhất của ngành công nghiệp ceramic Trung Quốc

Ngành công nghiệp gốm sứ Trung Quốc trong 20 năm gần đây đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Quá trình phát triển được chia ra 3 giai đoạn chính: Giai đoạn 1983 - 1994; giai đoạn đầu thập kỷ 1990 đến cuối thập kỷ 1990 và giai đoạn từ năm 2001 đến nay.

Giai đoạn 1983 - 1994: Trước năm 1983, sự phát triển của ngành còn chưa mạnh; sản xuất dựa trên các công nghệ và thiết bị cũ, lạc hậu. Từ năm 1983, ngành bắt đầu nhập khẩu công nghệ và thiết bị hiện đại của Italia khởi đầu cho việc học tập công nghệ gốm sứ của châu Âu. Vào giai đoạn này, việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm đều do các doanh nghiệp nhà nước đảm nhận với 100% thiết bị nhập khẩu. Chỉ riêng năm 1994, ngành đã nhập 400 dây chuyền sản xuất và khoảng 400 lò nung. Năm 1993 - 1994, tổng sản lượng gạch ceramic do Trung Quốc sản xuất đạt 530 triệu m²/năm.

Có thể khái quát các đặc điểm phát triển

của ngành công nghiệp gốm sứ Trung Quốc vào giai đoạn này như sau: Các loại sản phẩm gốm sứ được sản xuất chủ yếu bằng các kỹ thuật và công nghệ của nước ngoài trong đó sản xuất chủ yếu gạch men kích thước nhỏ. Mẫu mã sản phẩm bị trùng lặp, thiếu tính đa dạng. Khái niệm thị trường chưa hình thành và thiếu sức hấp dẫn đối với khách hàng. Cách quản lý chưa linh hoạt do còn bị ảnh hưởng bởi cách quản lý bao cấp. Hoạt động nhập khẩu thiết bị diễn ra mù quáng, thiếu sự quản lý do thiếu tư duy thị trường. Sự cạnh tranh mang tính quần chúng dẫn đến chi phí quá nhiều ngoại tệ cho việc nhập khẩu. Tình trạng đầu tư theo phong trào kết hợp với trình độ quản lý thấp gây ra sự cạnh tranh quyết liệt. Sự cạnh tranh này đem lại những hậu quả sau: Giá sản phẩm đồng loạt giảm (do cạnh tranh thiếu lành mạnh và mù quáng); nhiều doanh nghiệp bị phá sản và có hiện tượng tranh giành nguyên liệu.

Tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh với những hậu quả tiêu cực của nó kết hợp với nền kinh tế lạm phát cao vào năm 1993 - 1994 là nguyên nhân khiến ngành gốm sứ Trung Quốc phải chuyển sang một giai đoạn phát triển mới. Đó là giai đoạn đầu thập kỷ 1990 đến cuối thập kỷ 1990.

Giai đoạn từ đầu thập kỷ 1990 đến cuối thập kỷ 1990:

Đây là giai đoạn phát triển huy hoàng của ngành gốm sứ Trung Quốc. Cuối năm 1990, tổng sản lượng gốm sứ đã đạt 2 tỷ m²/năm. Các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hoá trở thành doanh nghiệp cổ phần.

Các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp địa phương được thành lập và phát triển mạnh. Thể chế trở nên phức tạp do xuất hiện nhiều loại hình doanh nghiệp mới như: Doanh nghiệp địa phương, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài,... Cạnh tranh diễn ra quyết liệt (do có nhiều loại hình doanh nghiệp) về giá, nhân công, nguyên liệu. Sự cạnh tranh khiến các doanh nghiệp liên quan cũng bắt đầu

phát triển; nhập thiết bị trở nên ít hơn. Ngành chế tạo thiết bị sản xuất gốm sứ Trung Quốc bắt đầu hình thành và phát triển mạnh ở giai đoạn này nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp sản xuất gốm sứ trong nước. Để có được công nghệ và thiết bị mới cho sản xuất, các doanh nghiệp sản xuất phải tự thân vận động, tự nghiên cứu công nghệ và thiết bị của mình, giảm nhập khẩu thiết bị để giảm chi phí. Tên tuổi của các doanh nghiệp nổi tiếng như Đại Bàng, Đông Phong,... được biết đến như những anh hùng có tinh thần tự chủ, sáng tạo cao, tự vươn lên bằng nội lực của mình.

Thể chế quản lý đã có những thay đổi rõ rệt. Cơ chế quản lý hiện đại hoá được hình thành và từng bước phát triển. Công cuộc cải cách mở cửa làm xuất hiện khái niệm Chủ - Nhân viên. Các chủ sở hữu góp phần tạo ra tầng lớp các doanh nghiệp có tài năng, nắm vững các phương pháp quản lý hiện đại và được trang bị đầy đủ các kiến thức chung để phát triển doanh nghiệp với nhiều sáng kiến cho hiệu quả kinh tế cao. Khác với tư duy khép kín trước đây nay hoạt động hợp tác quốc tế giữa các doanh nghiệp được phát triển mạnh. Bên cạnh đó đã xuất hiện tình trạng phát triển không cân bằng, doanh nghiệp tự chủ cao, sáng tạo cao thì phát triển đi lên còn các doanh nghiệp thiếu tự chủ và sáng tạo thì đi xuống, có doanh nghiệp phát triển như vũ bão, có doanh nghiệp thụt lùi, phá sản; từ đó quy mô doanh nghiệp cũng không đồng đều, có doanh nghiệp quy mô rất lớn bên cạnh đó có doanh nghiệp quy mô rất nhỏ.

Cạnh tranh dẫn đến cạnh tranh thương hiệu làm xuất hiện khái niệm thương hiệu. Cạnh tranh sản lượng diễn ra quyết liệt làm nảy sinh cạnh tranh chất lượng. Cuối năm 2001, Trung Quốc xuất khẩu 50.000m² gạch gốm sứ, đứng thứ 4 thế giới.

Nhiều chuyên gia gọi giai đoạn phát triển này của ngành gốm sứ Trung Quốc là giai đoạn phân loại (diễn ra sự phân hoá mạnh giữa các doanh nghiệp) và cạnh tranh diễn ra rõ ràng nhất.

Vào thời gian cuối của giai đoạn đã xuất hiện tình trạng giá nguyên liệu đầu vào tăng cao làm tăng giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó, ngành gốm sứ là một ngành phụ thuộc rất nhiều vào nguồn tài nguyên thiên nhiên như năng lượng nhất là điện năng, nhiên liệu. Đó là một trong những nguyên nhân gây cạn kiệt tài nguyên, ảnh hưởng đến môi trường sống, môi trường sinh thái của con người.

Để có thể giải quyết những vấn đề nêu trên ngành gốm sứ Trung Quốc đã chuyển sang giai đoạn phát triển thứ 3 từ năm 2001 đến nay.

Đặc trưng nổi bật của giai đoạn này là sự di dời vị trí của các doanh nghiệp cho gần với các nguồn tài nguyên và thị trường tiêu thụ và sự tái tổ hợp của các doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh và sức cạnh tranh. Điều đó dẫn đến sự phân bố lại không gian hoạt động của các doanh nghiệp, khoảng 24% số doanh nghiệp tập trung ở phía Đông Trung Quốc, khoảng 30% số doanh nghiệp tập trung ở Quảng Đông và Tứ Xuyên, số còn lại

được phân bố rải rác ở các vùng khác trong nước. Những doanh nghiệp gây ô nhiễm bị bắt buộc phải di dời đến vị trí mới phù hợp hơn.

Cạnh tranh diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực mẫu mã sản phẩm. Các hoạt động đi sâu nghiên cứu mẫu mã được đẩy mạnh khiến hoạt động sáng tạo mẫu mã mới cho sản phẩm diễn ra rất sôi động; mẫu mã sản phẩm được đa dạng hoá, xuất hiện những dòng sản phẩm gốm sứ trang trí kiểu giả cổ, vân mây, minh họa da động vật, vân gỗ tự nhiên, giống đá granit tự nhiên. Gạch được trang trí hoa văn giống hoa văn tự nhiên đến mức tối đa.

Bên cạnh đó, vấn đề bức xúc nhất hiện nay là tình trạng tăng giá thành sản phẩm mà các doanh nghiệp ngành gốm sứ Trung Quốc đang cố gắng bằng mọi cách phải vượt qua các khó khăn, thách thức để tiếp tục phát triển đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Huỳnh Phước

CHÀO MỪNG 50 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH XÂY DỰNG VIỆT NAM (29/4/1958-29/4/2008)

Ngành Xây dựng Việt Nam kỷ niệm 50 năm trưởng thành và phát triển



Ngày 29/4/1958, tại Kỳ họp thứ VIII, Quốc hội khóa I đã ra Nghị quyết thành lập Bộ Kiến trúc (nay là Bộ Xây dựng) để thực hiện chức năng giúp Chính phủ quản lý về kiến trúc, quy hoạch, kiến thiết cơ bản, nhà đất và sản xuất vật liệu xây dựng. Từ đó, ngày 29/4 hàng năm trở thành ngày truyền thống của ngành Xây dựng. Trong suốt 50 năm xây dựng và trưởng thành, ngành Xây dựng luôn giữ vững và khẳng định được vị trí, vai trò là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, là lực lượng chủ yếu trong việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 28/4/2008 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã long trọng tổ chức Lễ Kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống của ngành Xây dựng Việt Nam. Tới dự Lễ Kỷ niệm có lãnh đạo Bộ, Ban, ngành của Trung ương, các địa phương, các thế hệ lãnh đạo ngành Xây dựng, các cán bộ lão thành ngành Xây dựng, lãnh đạo các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng.

Lễ Kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống của

ngành Xây dựng Việt Nam vinh dự được đón đồng chí Nguyễn Minh Triết - Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, đồng chí Hoàng Trung Hải - Phó Thủ tướng Chính phủ.

Thay mặt toàn thể cán bộ, công nhân viên chức - lao động ngành Xây dựng, đồng chí Nguyễn Hồng Quân - Ủy viên Trung ương Đảng - Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã phát biểu cảm ơn sự quan tâm của lãnh đạo Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ của các địa phương, sự cống hiến của các thế hệ cán bộ, công nhân viên chức lao động ngành Xây dựng đã giúp cho ngành Xây dựng có những bước trưởng thành vượt bậc ngày hôm nay. Đồng chí Bộ trưởng cũng đã có bài phát biểu ôn lại truyền thống hào hùng của ngành Xây dựng trong suốt nửa thế kỷ qua.

Năm 1958, ngay sau khi thành lập, ngành Xây dựng đã cùng cả nước bước vào giai đoạn xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH. Hàng trăm công trình công nghiệp và hàng nghìn cơ sở dân dụng đã được xây dựng. Thời kỳ này có các công trình tiêu biểu như Khu gang thép Thái Nguyên, Supe Phốtphát Lâm Thao, Phân đạm Hà Bắc, Nhiệt điện Uông Bí...

Bước vào giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961-1965, ngành Xây dựng đã tạo ra những cụm công nghiệp, khu dân cư, mở rộng và kiến thiết các thành phố cũ. Nhiều công trình được sự giúp đỡ có hiệu quả của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Chúng ta đã hoàn thành xây dựng một số cơ sở công nghiệp quan trọng như Nhiệt điện Uông Bí, Phân đạm Hà Bắc, Khu Công nghiệp Việt Trì, Thượng Đình... Công trình lớn nhất, quan trọng nhất được khởi công xây dựng

trong thời kỳ này là Thủy điện Thác Bà năm 1964 công suất 108.000kW phục vụ điện năng cho phát triển kinh tế xã hội và dân sinh của thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận. Trong thời kỳ này, sản xuất công nghiệp tăng bình quân 14,2% mỗi năm, có 1.300 công trình công nghiệp và dân dụng, tạo tiền đề cho sự nghiệp xây dựng CHXH ở miền Bắc.

Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ phá hoại miền Bắc, ngành Xây dựng cùng quân dân cả nước chuyển sang nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu. Duy trì và bảo vệ lực lượng nòng cốt tiếp tục xây dựng những công trình trọng điểm, bảo vệ các công trình đang xây dựng. Hướng nhiệm vụ xây dựng các công trình quốc phòng, giao thông và nông nghiệp. Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ: “mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt” cán bộ công nhân viên ngành Xây dựng với khẩu hiệu “tay bay, tay súng” cùng cả nước đánh bại chiến tranh phá hoại của địch vừa xây dựng hậu phương lớn chi viện sức người, sức của cho miền Nam, có hơn 30.000 cán bộ công nhân viên tình nguyện tham gia chiến đấu trên khắp các chiến trường và hàng chục nghìn người tham gia xây dựng các công trình kháng chiến khác, có 198 công trình quốc phòng được xây dựng như sân bay Đa Phúc, Hoà Lạc, Sao Vàng, gia Lâm..., khôi phục và xây dựng mới nhiều công trình kinh tế. Nhiều công trình đã và đang phát huy tác dụng cho đến ngày hôm nay.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975 đã giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất Tổ quốc. Đất nước chuyển sang giai đoạn mới cả nước cùng đi lên CNXH. Lúc này nhiệm vụ được giao cho những người xây dựng thật nặng nề nhưng cũng thật vinh quang. Với mục tiêu khôi phục kinh tế sau chiến tranh và xây dựng CNXH trên cả nước, ngành Xây dựng nhanh chóng sắp xếp lại tổ chức, đồng thời thi công các công trình trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế xã hội như: Công trình Thủy điện Hoà Bình, Thủy điện Trị An, giấy Tân Mai, Sàng



tuyển than Cửa Ông, giấy Bãi Bằng, điện Phả Lại, dầu khí Vũng Tàu, Apatit Lào Cai v.v góp phần khôi phục kinh tế sau chiến tranh thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế xã hội cho đất nước lúc này và những năm tiếp theo.

Vươn mình phát triển cùng đất nước, đây là lúc ngành Xây dựng phát triển cả về số lượng và chất lượng với tinh thần làm việc hăng say vì ngày mai của Tổ quốc. Nhiều phong trào thi đua lao động sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao như phong trào “năng xuất cao, quản lý giỏi”.

Bước thời kỳ đổi mới, quán triệt và bám sát các chủ trương đổi mới của Đảng được xuyên suốt qua các kỳ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, ngành Xây dựng đã từng bước đổi mới trong những năm 1986 – 1999 và tập trung đổi mới mạnh mẽ trong mọi hoạt động của Ngành từ lĩnh vực quản lý Nhà nước đến chỉ đạo tổ chức sản xuất, kinh doanh từ năm 2000 cho đến nay.

Thời kỳ đổi mới (1986 – 1990), các đơn vị kinh tế cơ sở thuộc Ngành đã nâng cao ý thức tự chủ, năng động mở rộng sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng hoá sản phẩm gắn với thị trường, tận dụng năng lực sẵn có, từng bước thoát ra khỏi lối làm ăn theo cơ chế bao cấp trong sản xuất kinh doanh và coi trọng hạch toán kinh doanh theo cơ chế thị trường. Hình thức đấu thầu đã được áp dụng trong xây lắp. Nhiều công trình quan trọng đã hoàn thành

như: Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại; Thủy điện Trị An; Thủy điện Hoà Bình; Thủy điện Đê Linh; Nhà máy kính Đáp Cầu, dây chuyền xi măng Kiến Lương, Nhà máy giấy Tân Mai, các công trình phục vụ khai thác dầu khí đã góp phần làm tăng năng lực sản xuất cho nền kinh tế quốc dân. Tốc độ gia tăng giá trị xây lắp bình quân hàng năm trong giai đoạn này là 3,7 lần.

Nhiều dây chuyền công nghệ sản xuất VLXD tiên tiến đã được đầu tư, tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, sản lượng lớn. Đã có sự cạnh tranh tích cực giữa các thành phần kinh tế, góp phần thúc đẩy sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm, chất lượng tốt hơn, giá thành ngày càng hợp lý hơn.

Trong lĩnh vực quản lý đô thị, xây dựng nhà ở và hạ tầng, ngành Xây dựng đã có những đổi mới trong nhận thức, trong quan điểm về phát triển đô thị. Từ việc thiết kế quy hoạch, thiết kế nhà ở...do Nhà nước thực hiện và đầu tư chuyển sang cơ chế mới quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch các khu nhà ở là do Nhà nước và nhân dân cùng làm, cùng đầu tư thực hiện. Công việc này ngày càng được xã hội hoá cao và phát huy tác dụng tích cực trong việc cải thiện môi trường sống và điều kiện ở của người dân. Đến thập kỷ 90, hàng triệu mét vuông nhà ở đã được xây dựng lại, xây dựng mới. Bộ mặt đô thị, cơ sở hạ tầng đô thị đã có sự chuyển biến, đời sống nhân dân được cải thiện một bước.

Trong những năm tiếp theo (1991 - 1996), quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII về chiến lược ổn định phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000 và các mục tiêu đề ra trong kế hoạch 5 năm 1991-1995, ngành Xây dựng đã có nhiều nỗ lực, tạo bước ngoặt quan trọng, đúng hướng trong nhiệm vụ phát triển Ngành, góp phần tích cực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của cả nước.

Các đơn vị xây lắp được tổ chức sắp xếp lại đã nhanh chóng ổn định tổ chức sản xuất, hình thành các doanh nghiệp Nhà nước mạnh, tập

trung đầu tư nâng cao năng lực thi công, bước đầu khẳng định được vai trò chủ đạo trong cơ chế thị trường. Bình quân tốc độ tăng hàng năm về giá trị sản lượng xây lắp trong toàn ngành 76,4%. Các công trình trọng điểm và quan trọng của Nhà nước đã được tập trung thi công đảm bảo tiến độ và chất lượng, như: Thủy điện Hoà Bình, Vĩnh Sơn Yaly, Thác Mơ, đường dây 500KV Bắc Nam, các nhà máy xi măng Hà Tiên, Hoàng Thạch, Apatit Lào Cai...

Các đơn vị sản xuất VLXD đã chuyển từ việc sản xuất và phát triển theo kế hoạch định hướng, sang sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Việc sản xuất những mặt hàng quan trọng như xi măng, kính xây dựng, sứ vệ sinh, gạch ốp lát đã được chú trọng và tập trung nguồn lực để phát triển, đổi mới công nghệ. Kết quả 5 năm 1991 – 1995, sản lượng các loại VLXD đều tăng gần 2 lần so với 5 năm trước. Tốc độ tăng trưởng bình quân về giá trị tổng sản lượng ngành VLXD đạt 17,9%.

Sau 10 năm đổi mới, ngành Xây dựng đã tạo được thế và lực để bước vào thời kỳ thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VIII đề ra. Giai đoạn 1996 – 2000 là giai đoạn có nhiều chuyển biến về chất trong sự phát triển của Ngành. Nhiều cơ chế chính sách được Bộ tập trung xây dựng đã tạo nên khung pháp lý khá đồng bộ. Việc triển khai mạnh mẽ công tác quy hoạch, chiến lược định hướng phát triển đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý Ngành ở cấp vĩ mô. Nhiều Tổng công ty, công ty mạnh đã được thành lập và củng cố, tiếp tục đầu tư chiều sâu để đổi mới công nghệ, tăng năng lực sản xuất, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm thuộc ngành, chuẩn bị tiền đề tiến tới hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế giai đoạn sau.

Tốc độ tăng trưởng bình quân trong xây lắp đạt 11%/năm. Tốc độ tăng trưởng bình quân trong lĩnh vực sản xuất VLXD đạt khoảng 16,9%, cao hơn tốc độ bình quân chung của

công nghiệp cả nước (khoảng 13%).

Các công trình lớn về hạ tầng, công nghiệp, dân dụng đã được tập trung xây dựng với tốc độ thi công nhanh gấp 2-3 lần so với thời kỳ 1991 – 1995. Những công trình tiêu biểu giai đoạn này là công trình Nhà máy thủy điện Yaly, Sông Hinh, Nhiệt điện Phú Mỹ, Phả Lại II; xi măng Bút Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Mai...

Cơ chế quản lý đầu tư và xây dựng đã được đổi mới theo hướng phân định rõ quản lý Nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh, giảm sự can thiệp trực tiếp của cơ quan hành chính Nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tăng tính chủ động sáng tạo của các thành phần kinh tế trong xây dựng, cạnh tranh để thúc đẩy phát triển và đổi mới công nghệ. Yếu tố này đã thúc đẩy việc hình thành thị trường xây dựng có quản lý của Nhà nước, khơi dậy tiềm năng của Ngành.

Bước sang những năm đầu của thế kỷ XXI, từ năm 2001 cho đến nay, cùng với nền kinh tế cả nước đang trên đà phát triển mạnh và hội nhập sâu hơn, rộng hơn vào nền kinh tế khu vực và trên thế giới, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng và các Nghị quyết của Trung ương về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước cũng như các Chiến lược phát triển quốc gia đến năm 2010, ngành Xây dựng đã tổ chức thực hiện có hiệu quả các kế hoạch và Chiến lược phát triển trong các lĩnh vực của Ngành như: Quy hoạch tổng thể VLXD đến năm 2010; Quy hoạch điều chỉnh sản xuất xi măng đến năm 2010; Định hướng phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2010; Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Định hướng phát triển cấp nước và thoát nước đô thị đến năm 2010; Chiến lược quản lý chất thải rắn đô thị và khu công nghiệp đến năm 2010; Chiến lược cấp nước và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2010. Tất cả những Chiến lược và Định hướng phát triển nhằm mục tiêu đảm bảo sự phát triển ngành Xây dựng đáp ứng được yêu cầu Chiến lược phát triển kinh tế xã

hội của đất nước theo định hướng phát triển bền vững.

Đến nay, hầu hết các tỉnh, thành phố đều đã có quy hoạch chung; quy hoạch xây dựng vùng tỉnh đã được tổ chức lập cho 60/64 tỉnh. Toàn bộ 94 thành phố, thị xã, 621 thị trấn, 161 khu công nghiệp đã được lập quy hoạch xây dựng; 27 quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đặc thù, khu kinh tế cửa khẩu đã được triển khai lập và phê duyệt. Tỷ lệ lập Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/2000 đạt khoảng từ 40 – 47% diện tích đất xây dựng ở các đô thị; 1.690 xã đã được lập quy hoạch xây dựng, đạt khoảng 20% trên tổng số xã trên toàn quốc.

Mạng lưới đô thị quốc gia đã được sắp xếp lại, mở rộng và phát triển gồm 725 đô thị, cùng với các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu đã góp phần tạo ra động lực phát triển kinh tế – xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở cả hai khu vực đô thị và nông thôn cả nước.

Thực hiện Định hướng phát triển cấp nước đô thị và Định hướng phát triển thoát nước đô thị Việt Nam đến năm 2020, đến nay đã có trên 300 dự án cấp nước với tổng công suất thiết kế đạt 4,2 triệu m³/ngày đêm (tăng 42% so với năm 2000). Đảm bảo khoảng 70% dân số đô thị được cấp nước sạch bình quân 70 lít/người/ngày đêm. Tổng mức đầu tư cho lĩnh vực cấp nước đạt khoảng 1 tỷ USD, thoát nước và vệ sinh môi trường đạt khoảng 1,2 tỷ USD bằng nhiều nguồn vốn khác nhau. Các doanh nghiệp ngành xây dựng đã làm chủ được công nghệ cấp thoát nước mọi quy mô; một số công nghệ mới về tái chế, giảm thiểu chôn lấp chất thải rắn do trong nước tự nhiên cứu bắt đầu áp dụng, đi vào cuộc sống. Các chương trình, dự án trong lĩnh vực hạ tầng đô thị được triển khai thực hiện đã góp phần cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang diện mạo đô thị, từng bước cải thiện chất lượng cuộc sống đô thị. Hệ thống Quy chuẩn, Tiêu chuẩn, Định mức kinh tế – kỹ thuật ngày càng được hoàn thiện đồng bộ, góp phần hạ chi phí các dịch vụ đô thị, tăng nguồn lực để

phát triển đô thị.

Cùng với việc tăng cường phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, các đơn vị trong ngành Xây dựng, các địa phương huy động mọi nguồn vốn cho việc đầu tư và phát triển các khu đô thị mới, nhằm tạo ra một bước đột phá trong việc giải quyết nhu cầu bức xúc về nhà ở cho nhân dân đô thị, số lượng các dự án về phát triển nhà ở đô thị tăng nhanh với hơn 1.500 dự án đã và đang triển khai. Bình quân mỗi năm tăng hơn 58 triệu m² nhà ở. Hiện cả nước có khoảng trên 890 triệu m² nhà ở (đô thị khoảng 260 triệu m², diện tích nhà ở bình quân đạt 10,8m²/người; nông thôn khoảng trên 630 triệu m² với diện tích nhà ở bình quân đạt khoảng 10,5m²/ người).

Với những kết quả đã đạt được nêu trên, bộ mặt đô thị, chất lượng đời sống ở các đô thị, khu dân cư tập trung đã có những thay đổi đáng kể, ngày càng tiến bộ hơn, hiện đại hơn.

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực của Ngành và nhiều cơ chế, chính sách về hoạt động xây dựng đã được tập trung xây dựng để phục vụ cho công tác quản lý Nhà nước, đảm bảo phù hợp với cơ chế thị trường theo định hướng XHCN. Luật Xây dựng được Quốc hội Khóa XI thông qua tại kỳ họp thứ 4 tháng 12 năm 2003, có hiệu lực từ ngày 1/7/2004, là sự kiện quan trọng nhất của ngành Xây dựng Việt Nam, tạo lập khuôn khổ pháp lý và động lực thúc đẩy phát triển các hoạt động đầu tư xây dựng công trình, hình thành thị trường xây dựng với quy mô ngày càng rộng lớn, đa dạng, phong phú, đã làm cho các hoạt động xây dựng đi dần vào kỷ cương, nề nếp, chất lượng xây dựng được đảm bảo.

Cùng với Luật Xây dựng, Luật nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản cũng đã được ban hành và có hiệu lực, tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển và quản lý nhà, kích cầu đầu tư, kích cầu tiêu dùng sản phẩm hàng hoá bất động sản, nhà ở; hình thành và phát triển thị trường bất động sản. Vừa mang ý nghĩa kinh tế vừa mang ý nghĩa xã hội sâu sắc là: lần đầu tiên,

việc đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã luật hoá, cũng như luật hoá hoạt động của thị trường bất động sản trong nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Trong giai đoạn đổi mới, hội nhập, hệ thống Quy chuẩn Xây dựng, Tiêu chuẩn Xây dựng giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước ngành Xây dựng, đồng thời giúp ngành công nghiệp xây dựng trong nước đứng vững và phát triển trước tác động cạnh tranh của cơ chế thị trường cùng với hội nhập quốc tế và khu vực. Cho đến nay, hệ thống văn bản Quy chuẩn Xây dựng và Tiêu chuẩn Xây dựng đã được ban hành bao gồm 4 Quy chuẩn Xây dựng và trên 1000 Tiêu chuẩn Xây dựng cho tất cả các lĩnh vực xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, vật liệu xây dựng... Các đối tượng tiêu chuẩn hoá đã được bao quát hết các hoạt động xây dựng từ khâu khảo sát, thiết kế, thi công xây lắp, thử nghiệm, nghiệm thu đến khâu khai thác, vận hành, sử dụng, bảo quản, sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện, sản phẩm cơ khí, thành phẩm xây dựng...

Công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được đổi mới căn bản toàn diện theo hướng thị trường và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể chủ động hơn trong quản lý chi phí hoạt động xây dựng.

Đến nay, gần 10.000 danh mục định mức thuộc các loại công tác trong hoạt động xây dựng đã được Bộ Xây dựng cho công bố. Hệ thống định mức kinh tế – kỹ thuật trong xây dựng đã được hoàn thiện cơ bản theo đúng hướng chỉ đạo của Chính phủ: Nhà nước quản lý định mức kinh tế – kỹ thuật, thị trường quyết định giá cả để phù hợp với thực tế thi công xây dựng và thông lệ quốc tế, tiến tới thực hiện giá cả xây dựng theo thị trường.

Công nghiệp vật liệu xây dựng đã được đầu tư và chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo định hướng tăng các sản phẩm có chất lượng và hàm lượng khoa học công nghệ cao, thay thế nhập khẩu, hướng mạnh xuất khẩu. Tốc độ

tăng trưởng đạt trên 17%/năm cao hơn tốc độ tăng trưởng của công nghiệp cả nước. Nhiều dây chuyền công nghệ có quy mô sản xuất lớn, công nghệ hiện đại đạt trình độ cao trong khu vực và trên thế giới như xi măng, gạch ceramic, granit nhân tạo, sứ vệ sinh, kính xây dựng... đã tạo ra nhiều sản phẩm chất lượng cao, ổn định, có sức cạnh tranh và chiếm lĩnh được phần lớn thị trường trong nước đồng thời xuất khẩu được cho hơn 100 nước, một số thương hiệu đã có chỗ đứng và uy tín trên thị trường quốc tế. Đã chủ động sản xuất clinker và xi măng trong nước. Năm 2007, sản lượng xi măng toàn ngành đạt 36 triệu tấn. Công tác xuất khẩu VLXD tiếp tục được đẩy mạnh nhằm đạt giá trị xuất khẩu VLXD khoảng 30 – 35% so với giá trị sản xuất trong nước trước năm 2010.

Chương trình sản phẩm cơ khí trọng điểm của Chính phủ cũng đang được tập trung triển khai thực hiện với nhiệm vụ chính là: Thiết kế công nghệ và chế tạo thiết bị đồng bộ cho nhà máy xi măng có công suất từ 2.500 đến 4.000 tấn clinker/ngày; thiết bị thủy điện có công suất đến 50MW. Đã chế tạo thí điểm thành công thang máy, cần cẩu tháp với tỉ lệ nội địa hơn 70%. Đây là bước đi quan trọng trong việc chủ động sản xuất, cung cấp thiết bị đồng bộ cho các công trình công nghiệp ngành Xây dựng.

Việc sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp Nhà nước được xác định là nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa quyết định, là khâu đột phá trong sự phát triển bền vững của ngành Xây dựng, vươn lên xứng đáng với vai trò là một ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Các doanh nghiệp của Ngành được phát triển theo hướng kinh doanh đa ngành, đa lĩnh vực trên cơ sở ngành chuyên môn hoá nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và sức cạnh tranh.

Điểm nổi bật của của các doanh nghiệp ngành Xây dựng trong thời kỳ qua là tư duy nhạy bén, chủ động, sáng tạo, tiếp cận và hoà nhập nhanh với cơ chế thị trường, chú trọng

chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, thực hiện phương châm: đa dạng hoá sản phẩm, dịch vụ; đa phương hoá quan hệ và đa dạng hoá sở hữu. Đã huy động nhiều nguồn lực để đầu tư phát triển, ít lệ thuộc vào nguồn ngân sách Nhà nước, do vậy các doanh nghiệp của ngành phát triển nhanh, đã có sự thay đổi căn bản về chất. Nếu những năm trước đây, từ chỗ “làm thuê” là chính, thì nay các doanh nghiệp đã đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu, chủ động vươn lên thành các “chủ đầu tư” của nhiều dự án lớn, đảm bảo tăng trưởng kinh tế, tăng cường phúc lợi xã hội, bảo vệ môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững.

Nhiều doanh nghiệp đã tiếp cận nhanh với công nghệ xây dựng mới, trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại, từng bước đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý, tư vấn, thi công những công trình quy mô lớn, hiện đại. Năng lực quản lý, kể cả quản lý hợp đồng tổng thầu EPC, quản lý đầu tư theo hình thức BOT, BT, BOO các công trình có tiến bộ vượt bậc. Các doanh nghiệp đã đầu tư xây dựng hoặc nhận thầu xây dựng ở hầu hết các công trình trọng điểm Nhà nước, các công trình xây dựng quan trọng của quốc gia, của các bộ ngành và địa phương, của các nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Lực lượng thi công cầu đường, công trình ngầm của các doanh nghiệp xây dựng đã có sự phát triển vượt bậc về trình độ công nghệ tiên tiến, hiện đại và năng suất lao động.

Các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng đã dẫn đầu cả nước về các lĩnh vực đầu tư xi măng, vật liệu xây dựng, công trình hạ tầng kỹ thuật, xây dựng khu đô thị mới, khu công nghiệp, thủy điện vừa và nhỏ. Tốc độ tăng trưởng bình quân từ năm 2001 trở lại đây luôn đạt ở mức cao, bình quân 16,5%/năm.

Thông qua việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước, vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc Bộ Xây dựng đã tăng so với sổ sách kế toán hơn 2.500 tỷ đồng, thu hút vốn ngoài xã

hội đầu tư vào các công ty cổ phần trên 2.200 tỷ đồng. Nhìn chung, các doanh nghiệp sau cổ phần hoá đều hoạt động có hiệu quả cao hơn so với trước khi cổ phần hoá.

Các Tổng công ty, công ty độc lập thuộc Bộ đều đã được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ – Công ty con cùng với việc tổ chức sắp xếp lại các đơn vị hoạt động cùng ngành để tiến tới hình thành các Tập đoàn mạnh hoạt động trong các lĩnh vực của Ngành.

Nửa thế kỷ qua, những người xây dựng luôn gắn với sự đổi thay của đất nước, mỗi ngày lại có những công trình mới ra đời ghi dấu sự trưởng thành của những người thợ. Đảng và Nhà nước tặng thưởng huân chương sao vàng, huân chương Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý khác. Có 25 tập thể anh hùng, 37 cá nhân anh hùng lao động được ghi công.

Qua chặng đường 50 năm liên tục phát triển, Ngành Xây dựng đã góp phần to lớn vào việc hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế – xã hội của đất nước, từng bước đổi mới, phát triển và hội nhập với khu vực và quốc tế. Những thành tựu

mà Ngành Xây dựng đạt được đã khẳng định vai trò quan trọng của ngành Xây dựng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Phát biểu tại Lễ Kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống của ngành Xây dựng Việt Nam, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã đánh giá cao những nỗ lực và đóng góp của ngành Xây dựng 50 năm qua trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Chủ tịch đã nhấn mạnh, các thế hệ cán bộ, công nhân viên chức - lao động ngành Xây dựng hoàn toàn xứng đáng với những phần thưởng và danh hiệu cao quý mà Đảng, Nhà nước đã trao tặng.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống của ngành Xây dựng Việt Nam, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết đã trao tặng Bộ Xây dựng Huân chương Hồ Chí Minh và Huân chương Độc lập các hạng cho những cá nhân của ngành Xây dựng đã có những đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

Bạch Minh Tuấn

Triển lãm quốc tế VIETBUILD Hà Nội 2008 từ ngày 17-21/4/2008

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống của ngành Xây dựng Việt Nam (29/4/1958 – 29/4/2008) và kỷ niệm 10 năm Triển lãm quốc tế VIETBUILD, được sự bảo trợ của Bộ Xây dựng và UBND thành phố Hà Nội, Triển lãm quốc tế VIETBUILD 2008 về Xây dựng - Vật liệu xây dựng - Nhà ở và trang trí nội ngoại thất đã chính thức khai mạc sáng ngày 17/4/2008 tại Cung văn hoá Hữu nghị Việt - Xô, Hà Nội.

Triển lãm do Trung tâm Thông tin Bộ Xây dựng và Công ty Hội chợ triển lãm quốc tế AFC thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Công ty VCCI-EXPO - Hà Nội tổ chức.

Đây là triển lãm có quy mô và tầm vóc đặc biệt của Ngành Xây dựng, với những thay đổi và phát triển hơn so với VIETBUILD Hà Nội



2007, nhằm đáp ứng nhu cầu của các nhà doanh nghiệp, đối tác tham quan và quần chúng nhân dân đến với Triển lãm.

Triển lãm giới thiệu các sản phẩm trưng bày cùng với các hoạt động phong phú và thiết thực phục vụ các doanh nghiệp trong xây dựng, phát



triển và hội nhập kinh tế quốc tế. Tham gia Triển lãm có 324 đơn vị với gần 800 gian hàng, trong đó có 183 doanh nghiệp trong nước, 68 công ty liên doanh và 72 doanh nghiệp và tập đoàn nước ngoài đến từ 16 quốc gia: Hàn Quốc, Thái Lan, Italia, Nhật Bản, Trung Quốc, Malaixia, Đức, Thụy Sĩ, Singapore, Hồng Kông, Pháp, Pakistan, Hoa Kỳ, Cộng hòa Séc, Ấn Độ, Ixraen.

So với VIETBUILD Hà Nội 2007 với 600 gian hàng và 216 doanh nghiệp tham gia thì VIETBUILD Hà Nội 2008 đã phát triển về số lượng với gần 324 doanh nghiệp và 800 gian hàng. Số doanh nghiệp nhà nước, liên doanh và doanh nghiệp nước ngoài tham gia đều tăng. Các doanh nghiệp lớn của ngành Xây dựng - Vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất cũng đã đến với Triển lãm tại Hà Nội lần này. Trong đó có nhiều gian hàng có quy mô lớn từ 36m² đến 162m².

Các sản phẩm được trưng bày tại Triển lãm gồm có: Vật liệu xây dựng - 85 doanh nghiệp; trang trí nội ngoại thất - 67 doanh nghiệp; nhà ở - bất động sản - 52 doanh nghiệp; sơn - chất chống thấm - 37 doanh nghiệp; kính và cửa kính - 29 doanh nghiệp; thiết bị điện - vệ sinh - 24 doanh nghiệp; máy móc thiết bị công nghệ - 19 sản phẩm; các sản phẩm khác như khoá, thiết bị ống nước, tấm trần, phụ kiện xây dựng - 11 doanh nghiệp.

Hầu hết các sản phẩm trưng bày tại Triển lãm đã được các doanh nghiệp nghiên cứu và sản xuất từ cuối năm 2007 và đầu năm 2008 có mẫu mã, tính năng và chất lượng được nâng

cao đáp ứng nhu cầu xây dựng, trang trí nội ngoại thất ngày càng phát triển như:

- Vật liệu xây dựng: Máy móc thiết bị, hệ thống xây dựng, giàn giáo, công cụ cơ giới, thi công xây lắp, gạch, gạch men, ngói, ngói màu, sắt, thép, xi măng, bê tông, kết cấu thép, tấm lợp, vật liệu cách âm, tấm Alunium, các loại đá.... Và thiết bị sản xuất, vật liệu mới.

- Trang trí nội ngoại thất: Các sản phẩm gốm, gốm sứ, kính, đá cẩm thạch, đá hoa cương, các loại thảm, vải hoa, màn rèm cửa, hàng thủ công mỹ nghệ, mỹ thuật, tranh tượng, giấy dán tường, đèn trang trí, các kiểu mẫu nhà sân vườn, nhà môi trường, hồ tắm, sân chơi, quầy bar, phòng karaoke, dancing, siêu thị, phòng hội nghị, khu vui chơi giải trí, đồ gỗ, bàn, ghế, tủ, giường, salon, kệ, phòng tắm, nhà bếp.

- Nhà ở - bất động sản: Giới thiệu các căn hộ, dự án, thiết bị điện nhà ở, hệ thống thoát nước, thang máy, thang cuốn, máy lạnh, quạt gió, lọc bụi, máy móc thiết bị công nghệ.

- Các sản phẩm sơn nước, các loại sơn mới và chất tạo màu công nghiệp.

- Tôn mạ kẽm, mạ màu.

- Hệ thống cho ngôi nhà thông minh: Vách ngăn di động, cửa kéo tự động, cửa chống cháy tự động, tấm trần bằng kim loại, kính an toàn, cửa sổ và cửa ra vào bằng nhôm kính châu Âu, cửa nhựa uPVC, cửa và phụ kiện cửa, sàn nâng kỹ thuật, trần nhôm.

Các hoạt động tại Triển lãm mang tính thiết thực, sáng tạo và kế thừa truyền thống của VIETBUILD các năm trước như:

- Xét thưởng Cúp vàng Thương hiệu ngành Xây dựng Việt Nam và Huy chương vàng chất lượng sản phẩm nhằm khuyến khích doanh nghiệp nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra sản phẩm mới và xây dựng thương hiệu trong hội nhập và phát triển. Lễ tôn vinh Cúp vàng Thương hiệu ngành Xây dựng và trao giải thưởng Huy chương vàng Chất lượng sản phẩm được truyền hình trực tiếp trên sóng của Đài Truyền hình Hà Nội.

- Hội thảo giới thiệu “Công nghệ mới – sản phẩm mới của ngành Xây dựng trong Hội nhập và phát triển” do Bộ Xây dựng chủ trì nhằm khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu và liên tục sản xuất các sản phẩm mới, công nghệ cao để đáp ứng nhu cầu thị trường xây dựng và nhà ở đô thị.

- Thi giải “Gian hàng Quy mô - Đẹp & ấn tượng” nhằm tạo chất lượng cho Triển lãm ngày càng uy tín, qui mô, hoành tráng và ấn tượng để thực sự là một triển lãm cao cấp, đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp.

- Ban tổ chức đã lựa chọn đối tác và các doanh nghiệp tham gia Triển lãm tìm ra các đối tác, các tổ chức kinh tế đúng với chuyên ngành tham quan và quan hệ đối tác tại Triển lãm nhằm tạo điều kiện đẩy mạnh xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường, ký kết các hợp đồng kinh tế và hợp tác liên doanh đạt hiệu quả cao tại Triển lãm.

- Diễn đàn “Đồng hành cùng doanh nghiệp” là dịp cầu nối doanh nghiệp và công chúng gặp gỡ, trao đổi, nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng để định hướng chiến lược trong kinh doanh. Hầu hết những gian hàng có quy mô lớn, người tiêu dùng và các nhà đối tác sẽ có cơ hội tìm hiểu sản phẩm toàn diện cùng với những tư vấn cần thiết cho việc tìm hiểu sản phẩm thiết kế xây dựng, kiến trúc cho một công trình xây dựng hay một ngôi nhà của mình.

Về chương trình hoạt động, Ban tổ chức tập trung vào sự phát triển chất lượng hơn hình thức hoạt động, cụ thể như tập trung phát

triển các doanh nghiệp lớn, các sản phẩm mới và doanh nghiệp nước ngoài về khoa học công nghệ cũng như tập trung chăm sóc các dịch vụ khách hàng tại Triển lãm, các chương trình Hội thảo mang tính thiết thực với các đề tài về công nghệ mới và sản phẩm mới cần thiết cho các nhà doanh nghiệp, đáp ứng cho sự phát triển liên tục của ngành công nghệ vật liệu xây dựng.

Triển lãm đã được các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhiệt liệt hưởng ứng, với quy mô liên tục phát triển, với nhiều sản phẩm mới được trưng bày và giới thiệu, với các chương trình hoạt động phong phú. Nhiều hợp đồng kinh tế được ký kết trong những năm qua cho thấy VIETBUILD đã thật sự là cơ hội, điểm hội tụ lớn của các doanh nghiệp trong xúc tiến thương mại, chuyển giao công nghệ và hợp tác đầu tư.

Việc đầu tư trang trí và chăm sóc khách hàng được quan tâm. Hầu hết các gian hàng đều có máy điều hoà, khu ngoài trời có lắp đặt hệ thống quạt phun sương làm mát để phục vụ khách hàng; hình thức trang trí mang tính cao cấp, hiện đại, mỹ thuật và hoành tráng hơn VIETBUILD 2007.

Triển lãm quốc tế VIETBUILD Hà Nội 2008 là cơ hội tốt để các doanh nghiệp trong nước và quốc tế mở rộng sản xuất kinh doanh, tham gia hợp tác đầu tư, xúc tiến thương mại, chuyển giao công nghệ, giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ mới đồng thời đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển tại thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc.

Huỳnh Phước

Hội thảo sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả ngành Xây dựng

Ngày 18/4/2008, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo “Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả ngành Xây dựng”. Đây là một trong những hoạt động của chương trình Kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống của ngành Xây dựng Việt Nam. Tới dự Hội thảo có

đại diện của Văn phòng Chính phủ, các Bộ, Ngành cùng lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, các doanh nghiệp trong ngành Xây dựng. Thứ trưởng Bộ Xây dựng -GS. TSKH. Nguyễn Văn Liên đã chủ trì và phát biểu chỉ đạo Hội thảo.

Nguồn năng lượng tự nhiên trên toàn cầu đang dần cạn kiệt. Vì vậy, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một nhiệm vụ hết sức cấp bách và cần thiết đối với tất cả các quốc gia. Chương trình tiết kiệm năng lượng đang diễn ra rộng khắp toàn cầu. Các nước phát triển và nhiều nước khi đánh giá chất lượng công trình xây dựng đã xét đến các chỉ tiêu về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Theo dự báo, với tốc độ gia tăng mức khai thác năng lượng như hiện nay, đến cuối thế kỷ này, các nguồn năng lượng của Việt Nam sẽ trở nên khan hiếm, các mỏ dầu và khí đốt sẽ cạn kiệt trong vòng 40 – 60 năm tới. Để đáp ứng sự tăng lên của nhu cầu năng lượng, Chính phủ đã nhận thức được sự cần thiết phải thực thi các biện pháp tiết kiệm và hiệu quả năng lượng. Ngày 14/4/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 79/2006/QĐ - TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giao cho Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) chủ trì thực hiện, có sự tham gia phối hợp của một số Bộ ngành có liên quan. Toàn bộ chương trình có 6 nhóm nội dung chính, trong đó Bộ Xây dựng được giao chủ trì nhóm nội dung 5 về “Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các toà nhà”.

Hội thảo “Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả ngành Xây dựng” nhằm mục đích giới thiệu, phổ biến các kiến thức, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, tổ chức triển khai thực hiện. Bên cạnh đó còn giới thiệu các giải pháp, công nghệ, sản phẩm, thiết bị mới nhằm sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả cho các đơn vị trong và ngoài ngành Xây dựng.

Tại hội thảo, các đại biểu đã nghe TS. Nguyễn Trung Hoà - Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường - Bộ Xây dựng trình bày về “Chương trình sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả trong hoạt động Xây dựng”.

Nhận thức được tầm quan trọng và để nâng

cao hiệu quả quản lý cũng như sử dụng năng lượng, các tham luận đã đưa ra các giải pháp về kiến trúc và quy hoạch như kế thừa các giải pháp truyền thống; phát triển và sáng tạo các ý tưởng mới. Giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong các toà nhà đề cập đến giải pháp dùng công nghệ thông tin kết hợp với thiết bị mới, thuật toán điều khiển để quản lý vận hành toà nhà đạt được các tiêu chí về sử dụng năng lượng hiệu quả. Cũng trong Hội thảo, các đại biểu còn được giới thiệu một số sản phẩm, thiết bị đáp ứng mục tiêu hiệu quả năng lượng như bình đun nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời “Thái Dương Năng” của Công ty Cổ phần năng lượng Sơn Hà, một số sản phẩm thiết bị điện; và chiếu sáng tiết kiệm năng lượng của Tập đoàn Khải Toàn; hệ thống giám sát và quản lý năng lượng của Schneider – Công ty Schneider Electric.

Đáng chú ý là 2 bài tham luận về “Tận dụng nhiệt khí thải lò quay để phát điện tại Nhà máy Xi măng Hà Tiên 2” của Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam và “Nghiên cứu tái chế cao su phế thải thành dầu đốt công nghiệp” của Viện Vật liệu xây dựng. Việc tái sử dụng và tái chế phế thải xây dựng làm giảm chi phí vận chuyển, chi phí chôn lấp và diện tích bãi chôn lấp. Việc tái chế rác thải còn tạo ra nguồn vật liệu có giá thành rẻ hơn so với nguồn vật liệu truyền thống cho ngành xây dựng và giao thông, do vậy làm giảm tổng giá thành của các dự án. Đây được coi là các đề tài mang tính thực tiễn cao và nên triển khai áp dụng trên quy mô lớn.

Nhìn chung, các tham luận đều nêu lên được sự cần thiết đối với việc giảm thiểu tiêu hao năng lượng trong các toà nhà, tiết kiệm đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ khung cảnh sống và đưa ra các giải pháp hữu hiệu góp phần làm cho môi trường sống tốt hơn do dùng ít nhiên liệu hơn.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Văn Liên cho rằng, việc sử dụng tiết kiệm, hiệu

quả năng lượng và tài nguyên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và góp phần hạn chế ô nhiễm môi trường, giảm mức độ tác động đến nguồn tài nguyên thiên nhiên. Hội thảo “Sử dụng năng lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả ngành Xây dựng” là hoạt động thiết thực kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống ngành Xây dựng, đồng thời cũng là dịp thông báo chính thức rộng rãi “Chương trình sử dụng năng

lượng, tài nguyên tiết kiệm và hiệu quả ngành Xây dựng”.

Tại Hội thảo này, Thứ trưởng Nguyễn Văn Liên đã chỉ đạo toàn thể cán bộ công chức, viên chức- người lao động và các đơn vị trong toàn ngành cần tích cực hưởng ứng chương trình bằng những hành động thiết thực, góp phần thực hiện chiến lược tiết kiệm năng lượng và tài nguyên quốc gia.

Nguyễn Hồng Trang

Hội thảo

“Vai trò công đoàn trong cơ chế thị trường”

Trong không khí thi đua sôi nổi hướng tới kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống ngành Xây dựng, ngày 23/4/2008, Công đoàn Xây dựng Việt Nam phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức Hội thảo “Vai trò công đoàn trong cơ chế thị trường”. Đây là một trong những nội dung quan trọng cần được đánh giá và tổng kết nhằm làm rõ vị trí, chức năng của Công đoàn - một tổ chức chính trị, xã hội trong cơ chế đổi mới hiện nay. Tới dự Hội thảo có ông Nguyễn Hoà Bình - Phó chủ tịch thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang, Chủ tịch Công đoàn Xây dựng Việt Nam Nguyễn Việt Hải, lãnh đạo, chủ tịch công đoàn các Tổng công ty cùng các đại biểu tham dự.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế xuất hiện nhiều vấn đề lý luận về vai trò của công đoàn, đòi hỏi phải nghiên cứu tổng kết để có cơ sở khoa học nhận thức đúng đắn, đầy đủ về vị trí của công đoàn, từ đó đề ra những chủ trương, giải pháp thiết thực, phát huy vai trò của công đoàn nhằm chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công nhân lao động, góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, thúc đẩy nền kinh tế xã hội phát triển, giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng,

nâng cao hiệu quả quản lý của nhà nước. Với ý nghĩa quan trọng đó, Hội thảo “Vai trò công đoàn trong cơ chế thị trường” được tổ chức nhằm góp phần làm sáng tỏ vai trò công đoàn trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong buổi sáng diễn ra hội thảo, đại biểu đã được nghe các nhà khoa học, đại diện khối quản lý nhà nước và các doanh nghiệp phân tích vai trò của công đoàn trong giai đoạn hiện nay. Các tham luận đã tập trung làm rõ đặc điểm của cơ chế thị trường, những vấn đề lý luận, thực tiễn của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Từ đó, phân tích tác động của cơ chế thị trường đối với phong trào công nhân ở Việt Nam hiện nay và sự thay đổi của giai cấp công nhân Việt Nam trong nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, khẳng định vị trí, vai trò, chức năng của Công đoàn Việt Nam trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động công đoàn Xây dựng Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá. Nhìn chung, các tham luận đều cho rằng, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền và công đoàn trong việc thực hiện nhiệm vụ chính

trị của ngành Xây dựng. Thời gian diễn ra hội thảo có hạn song nội dung của các tham luận đều là ý kiến tâm huyết của các nhà lãnh đạo và đại diện cho các tổ chức công đoàn nhằm đáp ứng mục tiêu hoàn thiện cơ chế, chính sách để hoạt động công đoàn ngày một đi lên.

Phân tích vai trò của giai cấp công nhân và người lao động trong ngành Xây dựng, đại diện khối quản lý nhà nước - ông Uông Đình Chất – Phó vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ đã nêu lên thực trạng và đưa ra giải pháp xây dựng đội ngũ công nhân ngành Xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Đội ngũ giai cấp công nhân có vị trí vô cùng quan trọng và đóng vai trò chủ đạo trong nguồn nhân lực Ngành, nhất là khối thi công xây lắp và khối sản xuất công nghiệp vật liệu xây dựng, số lượng công nhân chiếm tỷ trọng rất lớn (hơn 90%) trong toàn bộ lực lượng lao động. Vấn đề đặt ra trong thời gian tới là phải xây dựng một đội ngũ công nhân đủ mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng, có tay nghề cao, có kỷ luật và tác phong công nghiệp, nhanh chóng đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Để đáp ứng mục tiêu trên, ngành Xây dựng cần

nâng cao năng lực của các cơ sở đào tạo để có nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho Ngành và xã hội; có chính sách đãi ngộ và sử dụng nhân tài; xây dựng cơ chế phù hợp ở tầm vĩ mô để phát triển nguồn nhân lực.

Các tham luận tại Hội thảo đã nêu lên được thực trạng của hoạt động công đoàn hiện nay và đưa ra một số giải pháp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động trong cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế. Hội thảo này là một trong những hoạt động thiết thực chào mừng 50 năm ngày truyền thống ngành Xây dựng. Tin tưởng rằng, trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam nói chung và lực lượng lao động ngành Xây dựng nói riêng sẽ ngày càng phát triển, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; vai trò của Công đoàn sẽ ngày càng được nâng cao, xứng đáng là đại diện của lực lượng lao động, phấn đấu vì quyền lợi của người lao động trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội của nước nhà.

Nguyễn Hồng Trang

Hội thảo Phát triển đô thị bền vững ở Việt Nam

Ngày 22/4/2008 tại Hà Nội trong khuôn khổ những hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống Ngành xây dựng Việt Nam (29/4/1958 - 29/4/2008), Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo Phát triển đô thị bền vững ở Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Hồng Quân đã đến dự và phát biểu khai mạc Hội thảo.

Đến dự Hội thảo có các đồng chí lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, UBND thành phố Hà Nội và các đồng chí lãnh đạo các tỉnh, các thành phố trong cả nước, đại diện các Bộ ngành ở Trung ương, các Sở Kiến trúc - Quy hoạch, các Hội và Hiệp hội ngành Xây dựng và các doanh nghiệp xây dựng.

Tham dự Hội thảo còn có các đại biểu đến

từ Hàn Quốc, Ngân hàng Thế giới, DANIDA và các tổ chức nước ngoài khác.

Qua hơn 20 năm thực hiện đường lối đổi mới, sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước ta đã đạt được kết quả to lớn chưa từng có. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước luôn đạt trên 7%/năm, tạo đà cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đi đôi với sự tăng trưởng về kinh tế, quá trình đô thị hoá cũng đang diễn ra rất nhanh. Tính đến cuối năm 2007, tổng số các đô thị hiện có là 743 đô thị (gồm 2 đô thị loại đặc biệt, 3 đô thị loại I, 14 đô thị loại II, 44 đô thị loại III, 36 đô thị loại IV và 644 đô thị loại V) cùng với các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu đã góp phần

tạo ra động lực phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở cả hai khu vực đô thị và nông thôn cả nước. Tỷ lệ đô thị hoá đạt 28%. Hiện đã có 58 tỉnh lập và phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh. Toàn bộ 93 thành phố, thị xã, 589 trên tổng số 621 thị trấn, 161 khu công nghiệp đã được lập quy hoạch xây dựng. Bộ Xây dựng cũng đang nghiên cứu, xây dựng tiêu chí và mô hình đô thị kiểu mẫu, phát triển đô thị theo hướng bền vững.

Đến nay cả nước đã có khoảng gần 200 khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất, các khu kinh tế cửa khẩu đang hoạt động nhưng hơn 70% các khu này chưa xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải. Nhìn chung phát triển đô thị và đô thị hoá tại Việt Nam còn chưa cân đối. Tình trạng phát triển đô thị và đô thị hoá hiện nay chưa thể hiện rõ bản sắc địa phương và đặc điểm khí hậu của vùng, miền ít nhiều tạo sự cách biệt giữa đô thị và nông thôn. Về tài chính đô thị cũng chưa kích thích và chưa huy động được sự tham gia của khối kinh tế tư nhân và từ cộng đồng do nhận thức về phát triển đô thị và đô thị hoá còn sai lệch. Nhiều nơi đô thị hoá tạo nên hình ảnh phát triển đô thị lộn xộn thiếu quản lý. Việc quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở phần lớn các đô thị Việt Nam đều chậm so với phát triển kinh tế xã hội đô thị. Đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị thiếu đồng bộ, kinh phí đầu tư chủ yếu vẫn trông chờ vào ngân sách Nhà nước và các nguồn tài trợ từ nước ngoài. Quá trình xây dựng các dự án phát triển đô thị, đặc biệt là các dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật diễn ra còn chậm và khả năng hội nhập quốc tế chưa cao. Các thách thức về xây dựng, phát triển đô thị như tài nguyên đất bị khai thác triệt để xây dựng đô thị, diện tích cây xanh và mặt nước bị thu hẹp, nhu cầu dịch vụ sản xuất ngày càng tăng làm suy thoái nguồn tài nguyên nước. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị bị quá tải gây nên các hiện tượng tắc nghẽn giao thông, úng ngập và vệ sinh môi trường đô thị bị ảnh hưởng. Sự bùng nổ giao

thông cơ giới gây ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn nghiêm trọng. Dòng người di dân từ nông thôn ra thành thị tìm việc làm gây nên sự quá tải cho các cơ sở hạ tầng xã hội, góp phần tạo ra nhiều thách thức về tệ nạn xã hội. Mặt khác còn tạo ra áp lực đáng kể về nhà ở và vệ sinh môi trường hình thành các khu nhà ổ chuột, sự phân tầng xã hội, khoảng cách giàu nghèo ngày càng gia tăng. Vấn đề nhà ở cho người nghèo và người có thu nhập thấp vẫn còn là những vấn đề bức xúc của toàn xã hội. Hệ thống văn bản pháp luật và pháp qui kỹ thuật về môi trường chưa hoàn chỉnh. Nhận thức của người dân còn thấp, một số doanh nghiệp sản xuất, các nhà đầu tư chỉ chú trọng phát triển kinh tế mà không quan tâm đến sức khoẻ, quyền tự chủ của người dân và công tác bảo vệ môi trường. Do vậy việc thực hiện chiến lược phát triển đô thị và đô thị hoá trên toàn quốc hiện vẫn còn nhiều hạn chế .

Đất nước ta cũng như các nước trên thế giới đang phải đối mặt với thiên tai, bệnh dịch, ô nhiễm môi trường, để xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, hiện đại và tiến tới phát triển bền vững (PTBV). Định hướng PTBV là hướng đi chung của mọi quốc gia và cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các quốc gia trên thế giới. Nhằm phát triển bền vững đất nước trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà giữa phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, ngày 17/8/2004, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 153/2004/QĐ-TTg ban hành Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam). Đây là một chiến lược khung, bao gồm những định hướng lớn làm cơ sở pháp lý để các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức và cá nhân có liên quan triển khai thực hiện, đồng thời thể hiện sự cam kết của Việt Nam với quốc tế.

Điều đó cho thấy việc phát triển đô thị bền vững (PTĐT BV) ở nước ta là một yêu cầu cấp thiết.

Hội thảo Phát triển đô thị bền vững ở Việt

Nam đã thảo luận và đưa ra các giải pháp cho sự phát triển và đô thị hoá ở nước ta diễn ra nhanh hơn, ổn định và bền vững, đồng thời xây dựng cơ chế, chính sách phát triển đô thị, nâng cao đời sống dân cư, xoá nghèo. Ngoài việc đóng góp cho PTĐTBV, Hội thảo còn đưa ra các kiến nghị với các cơ quan quản lý nhà nước về sự phát triển của các đô thị.

Trong quá trình PTĐTBV ở nước ta, Ngành xây dựng có một vị trí, vai trò rất quan trọng. Tại Hội thảo GS. TSKH Nguyễn Văn Liên - Thứ trưởng Bộ Xây dựng đã trình bày báo cáo về Những nội dung chủ yếu của Chương trình phát triển bền vững Ngành xây dựng, trong đó đề cập quan điểm PTBV ngành Xây dựng và các mục tiêu. Việc thực hiện PTBV ngành Xây dựng bao gồm những nội dung chính sau: Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng và công nghiệp hoá xây dựng; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực xây dựng; bảo vệ môi trường tại các đô thị, khu công nghiệp và các cơ sở sản xuất ngành Xây dựng; chú trọng công tác đào tạo nhân lực ngành Xây dựng.

Các báo cáo được gửi đến Hội thảo tập trung vào 4 chủ đề chính sau:

1. Tổng quan chung về PTĐTBV: Các báo cáo đề cập mục tiêu PTBV quốc gia trong những năm tới; tiêu chí, chỉ tiêu và chỉ số PTĐTBV của Việt Nam; PTBV giao thông vận tải; các mục tiêu PTĐTBV; đào tạo nguồn nhân lực ngành quản lý đô thị và củng cố nguồn lực cho PTĐTBV; kinh nghiệm của Ngân hàng thế

giới, Hàn Quốc và Ôxtrâyli về PTĐTBV.

2. Phát triển kinh tế đô thị, nhà đất: Các báo cáo thuộc chủ đề này đề cập việc hoàn thiện thể chế thị trường; việc quy hoạch sử dụng đất trong xây dựng đô thị, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng các khu đô thị mới Linh Đàm (Hà Nội) và Phú Mỹ Hưng (TP Hồ Chí Minh).

3. Phát triển xã hội, tạo cơ hội cho người nghèo đô thị: Các báo cáo đề cập những kết quả thực hiện hợp phần PTBV môi trường trong các khu đô thị nghèo (SDU) - một trong 5 hợp phần thuộc “Chương trình hợp tác phát triển Việt Nam - Đan Mạch về môi trường” và chiến lược PTĐTBV cho các khu đô thị nghèo của Việt Nam.

4. Bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường đô thị, phát triển hạ tầng đô thị: là một việc làm rất quan trọng đối với sự PTĐTBV, các báo cáo tập trung đề cập những thách thức của PTĐTBV về môi trường và việc lồng ghép các vấn đề môi trường trong quy hoạch đô thị; việc phát triển giao thông bền vững và các giải pháp cấp bách giảm thiểu ách tắc giao thông tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Hội thảo Phát triển đô thị bền vững ở Việt Nam không chỉ đánh giá thực trạng phát triển đô thị ở nước ta mà đã đóng góp tích cực cho việc phát triển hệ thống các đô thị ở nước ta một cách nhanh hơn, ổn định và bền vững.

Huỳnh Phước

Kinh nghiệm từ thực tiễn công tác quản lý môi trường ở Đà Nẵng

Phát triển bền vững là phải đảm bảo cả phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường (BVMT). Để đạt được phát triển bền vững, thành phố Đà Nẵng đang quyết tâm trở thành thành phố môi trường. Đà Nẵng cần phải xem xét, chọn lựa mức quan tâm hợp lý đến cả

3 yếu tố trong quá trình phát triển, đặc biệt là ngay từ khâu lập quy hoạch và kế hoạch phát triển.

Nếu không có sự quan tâm hợp lý đến môi trường thì chúng ta sẽ phải đương đầu với những vấn đề về ô nhiễm môi trường, suy

thoái tài nguyên khó giải quyết trong tương lai.

Có thể lấy ví dụ về một số tác động chính do thực hiện các dự án phát triển đến TN & MT: các KCN đã được quy hoạch và phát triển quá nhanh chóng (phát triển nóng) đã dẫn đến việc quản lý môi trường tại các KCN đã không theo kịp với tốc độ phát triển. Một vài năm qua, có nhiều KCN được hình thành nhưng lại chưa có nhà máy xử lý nước thải công nghiệp nào được đưa vào hoạt động, chưa hình thành các tổ chức BVMT trong các KCN. Điều này đã gây ra các tác động trực tiếp tới chất lượng môi trường sống, làm suy thoái nguồn nước mặt, nước ngầm và ảnh hưởng tới các hệ sinh thái. Do đó, chúng ta buộc phải quan tâm, xem xét lại việc đầu tư các nhà máy xử lý nước thải cho các KCN.

Việc phát triển đô thị ở Đà Nẵng trong những năm qua cũng đã diễn ra hết sức nhanh chóng. Điều này gây ra tình trạng ô nhiễm bụi, ngập úng khi mưa, ô nhiễm chất thải do thiếu cơ sở hạ tầng cơ bản (các công trình điện, cấp - thoát nước và xử lý chất thải đô thị).

Ngoài ra, tùy thuộc vào quy mô, tính chất của mỗi dự án phát triển mà các tác động môi trường thể hiện rất khác nhau. Nó có thể gây ra tác động trực tiếp hay gián tiếp; tác động tạm thời hay lâu dài; tác động trên diện hẹp hay diện rộng lên tài nguyên, môi trường, sức khỏe. Qua đó, nó gây ra các thiệt hại về kinh tế.

Hiểu biết về các tác động môi trường là một trong những điều kiện cần thiết để thực hiện phát triển một cách bền vững. Chúng ta tin tưởng là sẽ nắm bắt, khắc phục được các tác động môi trường này trong thời gian tới.

Chính quyền có vai trò quyết định đối với mọi hoạt động trong vùng lãnh thổ do chính quyền trực tiếp quản lý, do đó vai trò của chính quyền trong bảo vệ môi trường là vấn đề rất "cũ" nhưng cũng rất "thời sự" đối với nước ta trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền. Ở cấp thành phố, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường là Ủy ban nhân dân thành phố và

hiệu quả bảo vệ môi trường phụ thuộc chủ yếu vào vai trò của chính quyền. Sự phát triển của thành phố Đà Nẵng cùng với vấn đề môi trường đã được chính quyền thành phố giải quyết.

Vai trò của chính quyền thành phố trong bảo vệ môi trường:

Qua 10 năm phát triển, các vấn đề môi trường phát sinh và đồng hành cùng với quá trình công nghiệp hoá và đô thị hoá ở thành phố Đà Nẵng. Trong số các vấn đề môi trường có nhiều tác động kéo dài cho đến nay vẫn còn đang giải quyết như ô nhiễm nước ở KCN Hoà Khánh, KCN Thọ Quang, ô nhiễm các hồ chứa trong nội thành... Điều này cho thấy, tác động môi trường của các hoạt động phát triển ở cấp thành phố là lớn, rất khó kiểm soát và khắc phục. Mặc dù chính quyền thành phố đã quan tâm giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình phát triển, tuy nhiên do hạn chế về điều kiện tài chính, sử dụng đất, công nghệ,... nên đa số các vấn đề thường phải giải quyết trong thời gian dài.

Xóa bỏ các khu nhà chất lượng thấp

Trong bảo vệ môi trường, thành phố Đà Nẵng có chủ trương huy động sức dân và phát huy nội lực để cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng giao thông, cấp thoát nước. Hơn 60.000 hộ dân cư có điều kiện hạ tầng thấp kém như các nhà lụp xụp tạm bợ ven bờ Đông của sông Hàn, những khu ô chuột ven hồ Thạch Gián, Vĩnh Trung và nhiều khu nhà khác không điện nước, thường xuyên bị ngập lụt, đi lại khó khăn đã được thay thế bằng các khu tái định cư mới khang trang hơn. Trong 10 năm, thành phố đã chuyển hơn 3000 ha đất tại các nhà ổ chuột và các khu đất nông nghiệp sang đất đô thị có giá trị cao hơn.

Thay đổi hành vi của người dân

Lối sống văn minh đô thị dần được hình thành, xóa bỏ các tập tục sinh hoạt lạc hậu phù hợp hơn với một đô thị đang ngày càng được mở rộng. Người dân nay đã quen với cuộc sống ở khu chung cư là nơi có mối quan hệ cộng

đồng gắn bó hơn so với làng chài trước đây. Cây cầu sông Hàn được xây dựng với sự đóng góp đầy tâm huyết của người dân thành phố và có ý nghĩa gắn kết giữa ý Đảng lòng dân và vai trò của chính quyền thành phố.

Xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị theo phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm"

Chủ trương đạt được thành công nổi trội về đầu tư phát triển của thành phố là chủ trương "nhà nước và nhân dân cùng làm". Ngay từ khi thực hiện chủ trương này, đông đảo người dân đã đồng tình, ủng hộ. Các con đường đất ở vùng ven đã được thay thế bằng các con đường nhựa, đường bê tông.

Đến nay, nhân dân thành phố đã đóng góp cùng với nguồn vốn ngân sách để đầu tư xây dựng trên 11km đường đô thị, 164,6km đường giao thông nông thôn, 332km đường thôn xóm, 200.000m² vỉa hè, 30.000km mương, cống thoát nước... với tổng số tiền đất đai, vật kiến trúc khác mà nhân dân đã đóng góp đạt trên 150 tỷ đồng.

Xử lý các "điểm nóng" ô nhiễm môi trường

Xử lý các điểm nóng môi trường là vấn đề được chính quyền thành phố hết sức quan tâm. Năm 1999, UBND thành phố đã công bố 10 điểm nóng môi trường trong thành phố bao gồm 06 điểm liên quan đến hoạt động công nghiệp, dịch vụ gây ô nhiễm và 04 hồ đầm trong khu vực đô thị bị ô nhiễm và chỉ đạo cho các sở và chính quyền cơ sở nghiên cứu đề xuất giải pháp xử lý. Năm 2002, UBND thành phố tiếp tục công bố 22 điểm nóng môi trường trong thành phố và đưa ra các giải pháp xử lý triệt để, có phân công cụ thể cho từng đơn vị thực hiện, theo dõi và quản lý.

Đến nay đã có hơn 50% số "điểm nóng" đã được giải quyết dứt điểm, các "điểm nóng" còn lại đã giảm hẳn mức độ ô nhiễm so với tình trạng ban đầu.

Xây dựng chương trình bảo vệ môi trường cấp thành phố

Trên cơ sở các thành công về bảo vệ môi

trường trong 10 năm qua, các bài học kinh nghiệm về lồng ghép môi trường trong kế hoạch phát triển của thành phố, chính quyền thành phố đã tuyên bố xây dựng đề án thành phố môi trường và dự kiến mốc thời gian hoàn thành là năm 2020. Đây chính là chương trình môi trường cấp thành phố và được xây dựng nhằm giải quyết những vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình phát triển. Đây là lần đầu tiên thành phố có một chương trình cấp thành phố và định hướng giải quyết những vấn đề môi trường không chỉ trong hiện tại mà còn dự báo và giải quyết những vấn đề môi trường có thể nảy sinh trong tương lai.

Đề án "Đà Nẵng - Thành phố Môi trường" đã được khởi thảo từ đầu năm 2007 và đã tổ chức nhiều hội thảo, trong đó có Hội thảo quốc gia với sự tham gia của nhiều tổ chức và chuyên gia môi trường trong và ngoài nước tham gia. Đề án "Đà Nẵng - Thành phố Môi trường" là một bước phát triển mới của chính quyền thành phố vừa nâng tầm về quản lý nhà nước trong lĩnh vực môi trường, vừa tạo điều kiện giải quyết hài hòa các mâu thuẫn và xung đột nảy sinh trong quá trình phát triển của thành phố.

Chính quyền thành phố quyết tâm sẽ hoàn thiện Đề án "Đà Nẵng - thành phố môi trường" trong năm 2008 và xin đăng ký là dự án điểm về môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời dự kiến trình Chính phủ xem xét, phê duyệt đề án để tạo điều kiện kêu gọi các tổ chức trong và ngoài nước hỗ trợ cho Đà Nẵng thực hiện chủ trương phát triển bền vững thông qua thực hiện đề án "Đà Nẵng - thành phố môi trường".

Một số bài học kinh nghiệm

Mối quan hệ giữa chính quyền với các vấn đề môi trường là mối quan hệ tương hỗ, chính quyền càng quan tâm đến môi trường thì mức độ hoàn thiện trong phát triển của thành phố càng tăng thêm. Ngược lại, chính quyền ít quan tâm đến môi trường thì sự khiếm khuyết trong phát triển của thành phố cũng sẽ trở thành

những trở ngại cho chính sự phát triển của thành phố. Có thể lấy Đà Nẵng làm ví dụ minh chứng, nếu Đà Nẵng không phấn đấu trở thành thành phố môi trường thì rất khó thực hiện được chủ trương đẩy mạnh phát triển du lịch và dịch vụ sau năm 2010 bởi vì tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường sẽ là những cản trở lớn.

Từ thực tiễn công tác quản lý môi trường ở cấp thành phố Đà Nẵng, một số kinh nghiệm và một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, thảo luận và thử nghiệm, cụ thể như sau:

- Sự đồng thuận của người dân với chính quyền thành phố là yếu tố quan trọng trong việc bảo vệ môi trường. Thực tế di dời hơn 60.000 hộ dân và chuyển đổi hơn 3.000 ha đất làm khu dân cư mới là một minh chứng cụ thể cho bài học này. Nếu không có sự đồng thuận thì tình trạng khiếu nại và khiếu kiện kéo dài sẽ diễn ra thường xuyên, phức tạp và rất khó để giải quyết triệt để.

Sự thông suốt trong chỉ đạo điều hành giữa chính quyền thành phố với các cơ quan ban ngành tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng phát huy được sở trường của mình, do đó chính quyền thành phố có nhiều phương án để giải quyết những vấn đề môi trường cần giải quyết. Sự chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo thành phố đã tạo điều kiện thực hiện thành công các vấn đề môi trường bức xúc ở Đà Nẵng trong những năm qua như vấn đề ô nhiễm Bàu Tràm, Đầm Rong, hồ Thạch Gián - Vĩnh Trung...

Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm

Thành lập Hội đồng Phát triển bền vững cấp thành phố nhằm tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch thành phố về các vấn đề phát triển của thành phố, bao gồm các dự án trọng điểm, các quy hoạch, các chương trình và kế hoạch phát triển trung và dài hạn.

Hội đồng Phát triển bền vững đặt dưới sự điều hành của lãnh đạo thành phố và nên bao gồm lãnh đạo các Sở ban ngành, các chuyên gia cao cấp (có thể bao gồm cả chuyên gia nước ngoài). Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm giải quyết những vấn đề theo yêu cầu của thành phố. Hội đồng là hình thức tốt vì nó huy động được sự tham gia của các cơ quan chức năng, các chuyên gia và giúp hoàn thiện sự phát triển của thành phố theo định hướng phát triển bền vững.

Thành lập các Hội đồng kỹ thuật nhằm tham mưu, tư vấn cho thành phố về những vấn đề kỹ thuật chuyên sâu của các dự án đầu tư, tư vấn về những định hướng phát triển các ngành kinh tế có liên quan đến khoa học, công nghệ mới.

Tạo môi trường thuận lợi tối đa cho sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đến, sống và làm việc tại thành phố nhằm huy động được nhân tài, nhân lực và vật lực cho sự nghiệp phát triển ở cấp thành phố.

Minh Tâm

Việc quản lý nhân tài trong ngành Xây dựng Nhật Bản

Đào tạo nhân lực

Những nhân viên trẻ tuổi mới vào làm việc tại công ty, doanh nghiệp xây dựng ở Nhật Bản được gọi là “xã viên mới”. Doanh nghiệp lập ra một kế hoạch đào tạo hoàn chỉnh dành riêng cho những xã viên mới, thông thường trong 3 năm khi chưa định vị, “xã viên mới” phải thực

hiện một kế hoạch thực tập tại hiện trường thi công, bộ môn kỹ thuật, dự toán và kinh doanh. Sau khi đã đủ 2 năm đào tạo, xã viên phải tự đánh giá năng lực và chọn công việc phù hợp với mình. Sau khoảng 2 năm làm việc tại vị trí mà mình đã chọn, quá trình đào tạo mới được xem như đã hoàn thành. Như vậy, những nhân

tài sau khi trải qua một quá trình đào tạo, thứ nhất sẽ bằng lòng với công việc của mình, thứ hai là được trải qua những cương vị khác nhau trong quá trình đào tạo trong doanh nghiệp đối với toàn bộ tính chất công việc cả về sản xuất lẫn kinh tế, kỹ thuật và đã phần nào hiểu rõ và trở thành người có kỹ năng chuyên nghiệp nhất định.

Đối với việc đào tạo nhân công, doanh nghiệp xây dựng ở Nhật Bản có cả một hệ thống. Điển hình như ở 1 công ty trát vữa, những xã viên mới khi mới đến làm việc sẽ được gửi tới các trường kỹ thuật thuộc công ty, bước đầu cần phải học lý thuyết. Sau khi đã đạt trình độ nhất định về lý thuyết, tiếp theo là khâu thực hành, dựa vào những điểm khác nhau trong hiệu quả sử dụng bề mặt và vật liệu để tiến hành thực hành thực tế, khi đã đạt tới trình độ nhất định của cả 2 khâu lý thuyết và thực hành, sẽ được đưa tới công trường để tham gia công tác thi công công trình. Phương thức đào tạo này không quy định giới hạn về thời gian, mà căn cứ theo khả năng nhận thức của từng người để quyết định thời gian đào tạo dài hay ngắn. Ngoài ra, còn thông qua cuộc thi kỹ năng nghề nghiệp do hiệp hội nghề nghiệp tổ chức để nâng cao khả năng thao tác cho công nhân kỹ thuật.

Cơ chế thăng chức và quản lý lương thưởng

Việc quản lý lương thưởng ở các doanh nghiệp xây dựng Nhật Bản tương đối ổn định, luôn chú trọng tới quá trình công tác để quyết định cấp bậc, đãi ngộ. Trong những doanh nghiệp xây dựng có quy mô lớn và vừa, thông thường tiền lương và thâm niên công tác có quan hệ tương ứng. Ví dụ 22 tuổi, tốt nghiệp đại học vào làm việc tại doanh nghiệp, thì lương tháng sẽ được trả trong khoảng từ 210 - 220 nghìn yên, những viên chức có tuổi đời 40 thì tiền lương sẽ được trả trong khoảng 400 nghìn

yên. Tuy nhiên, chức vụ và công trạng không giống nhau thì tiền phụ cấp chức vụ và tiền thưởng cũng sẽ có khác biệt lớn. Các doanh nghiệp ở Nhật Bản thường thực hiện chế độ khen thưởng “tháng 1 thưởng 2”, mỗi năm thăng chức 1 cấp, khuyến khích khen thưởng 2 lần, số tiền mỗi lần khen thưởng tương đương với một tháng lương. Đối với những trường hợp khi tuổi đời và năng lực đạt tới độ nhất định, vì chức vụ có hạn, không thể thăng chức để tương ứng với chức vụ, thì đã thiết lập vị trí cố vấn, xử lý công việc... nhưng vẫn đảm bảo cân bằng tâm lý và ổn định công tác cho viên chức. Cơ chế thăng chức và quản lý tiền thưởng mặc dù tính khuyến khích không cao nhưng đối với việc duy trì ổn định doanh nghiệp và đào tạo nhân công lại đạt hiệu quả cao. Khi kinh tế không mấy khởi sắc, nhân công không sợ gian khổ, vẫn cùng doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Khi công việc nhiều có thể chủ động làm thêm ca thêm giờ.

Quản lý chức danh

Chức danh chuyên nghiệp trong ngành xây dựng của Nhật Bản đạt được là thông qua kỳ thi và đánh giá của cơ cấu chuyên môn xã hội, hình thức đăng ký thi cũng giống như thi Kiến trúc sư, Kỹ sư định giá xây dựng ở Trung Quốc, nhưng có điểm khác là không thi ngoại ngữ và không đưa ra điều kiện bắt buộc về nghề nghiệp. Kỹ sư trong ngành xây dựng của Nhật Bản được phân ra làm 2 loại “Kỹ sư cấp 1”, “Kỹ sư cấp 2”, tương đương với chức danh Kỹ sư cao cấp và trung cấp ở Trung Quốc. Doanh nghiệp khuyến khích nhân công của mình tham gia thi đỗ chức danh, nhưng quan trọng hơn vẫn là năng lực thực tế của nhân công, đồng thời, hai chữ “chức danh” ở đây không đồng nghĩa với tiền lương và thưởng.

Nguồn: <http://www.jzqyw.com.cn>

ND: Bích Ngọc

Tin Xây dựng quốc tế qua mạng Internet

Trung Quốc: Lần đầu tiên cấp chứng chỉ cho các nhà quản lý bất động sản chuyên nghiệp

Cách đây gần 30 năm, Trung Quốc chỉ có duy nhất một công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý bất động sản, nhưng cho đến nay, đã có gần 30.000 công ty với khoảng 3,5 triệu nhân sự làm việc trong lĩnh vực này và quản lý trên 10 tỷ m² bất động sản, tương đương hơn 50% tổng diện tích bất động sản ở các khu vực đô thị. Tuy nhiên, mặc dù có kinh nghiệm song không ai trong số họ có chứng chỉ chính quy như các nhà môi giới bất động sản ở các nước trên thế giới và cũng nhiều người trong số họ bị khách hàng phàn nàn về trình độ chuyên môn.

Xuất phát từ thực tế trên, đầu năm 2008, Trung Quốc đã triển khai cấp chứng chỉ đợt 1 cho các nhà quản lý bất động sản. Theo tin của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ Trung Quốc thì đã có 1.119 người được cấp chứng chỉ sau khi vượt qua các kỳ thi về quản lý bất động sản, kỹ thuật thi công và phát triển bất động sản.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng - Ông Qi Ji cho biết, việc cấp chứng chỉ cho các nhà quản lý bất động sản có thể tiêu chuẩn hoá các dịch vụ quản lý bất động sản và nhờ đó đẩy mạnh các dịch vụ trên. Mặc dù có nhiều người làm việc trong lĩnh vực quản lý bất động sản song kỹ năng nghiệp vụ của các nhà cung cấp dịch vụ không được trau dồi. Các kỹ năng nghiệp vụ của họ khác nhau rất nhiều và việc cung cấp dịch vụ không đáp ứng được yêu cầu do thiếu hướng dẫn về tiếp cận thị trường.

Một cuộc khảo sát mới đây do Hiệp hội Người tiêu dùng Trung Quốc tiến hành cho thấy, những lời kêu ca phàn nàn liên quan tới quản lý bất động sản đứng đầu danh sách thăm dò. Nhiều người tiêu dùng cho biết, các công ty quản lý thu quá nhiều tiền cho các dịch vụ không đạt chất lượng.

Tuy 1.119 người chỉ là một phần nhỏ trong đội ngũ các nhà phát triển bất động sản song sự khởi đầu của việc cấp chứng chỉ sẽ có ảnh hưởng đáng kể tới quá trình phát triển của ngành bất động sản. Chứng chỉ dùng để công nhận người có trình độ chuyên môn và đẩy

manh tinh cạnh tranh trong ngành.

Theo ông Xie Jiajin, chủ tịch Hiệp hội Quản lý Bất động sản Trung Quốc cho biết, phần lớn trong số 1.119 người được cấp chứng chỉ trên có bằng tốt nghiệp đại học thuộc các ngành kinh tế, quản lý hoặc kỹ thuật thi công. Tất cả đều có kinh nghiệm quản lý bất động sản, đây là yêu cầu tiên quyết để dự thi. Các ứng cử viên phải có kinh nghiệm ít nhất 1 năm đối với người có bằng tiến sỹ hoặc ít nhất 10 năm đối với những người có bằng cấp thấp hơn. Các kỳ thi để lấy chứng chỉ quản lý bất động sản sẽ được Trung Quốc tổ chức đều đặn hàng năm.

<http://news.xinhuanet.com>

Ấn Độ công bố các biện pháp nhằm kiểm soát giá vật liệu xây dựng

Ngày 11/4/2008, chính phủ Ấn Độ đã quyết định ban hành lệnh cấm xuất khẩu xi măng nhằm kiểm soát giá vật liệu xây dựng, một trong những nhân tố làm tăng chi phí xây dựng nhà ở và các dự án hạ tầng.

Bộ trưởng Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, ông Kamal Nath cho biết, Ấn Độ ban hành lệnh cấm xuất khẩu xi măng nhằm điều chỉnh sự mất cân đối cung - cầu xi măng. Trong 2 năm qua, giá xi măng tại Ấn Độ không ngừng gia tăng. Chính phủ Ấn Độ đã phải thực hiện một số biện pháp nhằm kiểm chế giá xi măng như bãi bỏ thuế nhập khẩu và cho phép mua xi măng của Pakistan.

Sau khi công bố quyết định trên, giá cổ phiếu của phần lớn các công ty xi măng như Ambuja Cement, ACC, India Cement, JK Lakshmi Cement, Ultratech, Mysore Cement đã giảm trên thị trường chứng khoán.

Các nhà nhập khẩu gọi động thái trên là "bước thụt lùi" và cho rằng nó sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ tới các nhà xuất khẩu ở Gujarat, đặc biệt là đối với các công ty đã có đơn đặt hàng.

Hiện nay xuất khẩu xi măng diễn ra chủ yếu ở Gujarat, nơi dư thừa khoảng 4,2 triệu tấn xi măng. Từ tháng 4 đến tháng 2 của năm tài khoá 2007, Ấn Độ đã xuất khẩu 3,33 triệu tấn xi măng. Sản lượng hàng năm của nước này vào khoảng 170 triệu tấn.

Tuy nhiên, giám đốc điều hành tập đoàn Xi măng JK cho rằng, lệnh cấm này sẽ hầu như không ảnh hưởng tới ngành xi măng do Ấn Độ xuất khẩu chưa tới 2% trong tổng sản lượng. Giá xi măng trung bình đã tăng lên 231 Rs/bao trong tháng 10/2007 so với 158 Rs/bao trong tháng 12/2005. Hiện nay, 1 bao xi măng có giá từ 230 – 260Rs trên toàn quốc.

Sau xi măng, Ấn Độ có thể sẽ ban hành lệnh cấm xuất khẩu thép và các sản phẩm thép. Các biện pháp khác đang được cân nhắc bao gồm đánh thuế theo giá hàng đối với xuất khẩu quặng thép và giảm thuế thép nội địa từ 14% hiện nay xuống còn 8%.

Song Liên minh Thép Ấn Độ đã kiến nghị cần tính toán các hệ quả tiêu cực của lệnh cấm xuất khẩu thép và xi măng. Tỷ lệ xuất khẩu thép hiện nay không quá 6-8% trong tổng sản lượng. Do vậy, lệnh cấm xuất khẩu thép có thể không mang lại kết quả như mong đợi.

Bộ trưởng Bộ Thương mại, ông Kamal Nath cho rằng, Bộ đang cân nhắc nhiều biện pháp nhằm hạ giá thép. Bộ Thương mại đã công bố một số biện pháp nhằm tạo thuận lợi về các thủ tục xuất khẩu trong chính sách ngoại thương và dự kiến trong những tháng tới, các thủ tục xuất – nhập khẩu sẽ tiếp tục được nới lỏng hơn nữa.

<http://www.business-standard.com/>

Ngành xi măng nghiên cứu chế tạo bê tông thân môi trường

Bê tông, một trong những loại vật liệu xây dựng phổ biến nhất trên thế giới, là một trong những nguồn phát thải CO₂ chủ yếu góp phần gây ra sự ấm nóng trên toàn cầu.

Khoảng 5-10% tổng lượng phát thải CO₂ trên toàn cầu liên quan tới việc chế tạo và vận chuyển xi măng, một thành phần chính của bê tông. Với dự đoán hoạt động sản xuất xi măng sẽ tăng theo cấp số nhân trong những thập kỷ tới nên ngành xi măng đang nỗ lực giải quyết các thách thức liên quan tới vấn đề môi trường.

Việc chế tạo xi măng được coi là tương đối hiệu quả khi so với các vật liệu xây dựng khác như thép và gỗ. Vấn đề đáng nói ở đây là quy mô sản xuất, trong năm 2006, đã có khoảng

2,4 tỷ tấn xi măng được sản xuất và con số này sẽ tiếp tục tăng lên trong những năm tới.

Ông Franz-Josef Ulm, một giáo sư chuyên nghiên cứu bê tông thuộc Viện Công nghệ Massachusetts cho biết, không phải chỉ có duy nhất một công ty xi măng trên hành tinh này nghĩ tới việc làm cách nào để giảm thiểu phát thải CO₂. Các nhà chế tạo trên thế giới đang nghiên cứu nhiều thử nghiệm với mục tiêu sử dụng các vật liệu chất thải hữu cơ như một chất thay thế một phần xi măng được sử dụng trong bê tông. Ít xi măng hơn nghĩa là tạo ra ít khí nhà kính hơn.

Một vài quốc gia có nguồn tài nguyên than phong phú đã sử dụng tro bay làm vật liệu kết dính bổ sung. Sự dư thừa bã mía của Braxin, chất bã mêm, khô còn lại sau khi chiết suất nước ép từ cây mía đã chứng tỏ có thể sử dụng tin cậy trong bê tông. Tương tự như vậy, tro mịn của vỏ trấu có tính chất hoá học tương tự như xi măng đang được sử dụng ngày càng nhiều như một thành phần phụ gia ở châu Á.

Italcemente của Ý là nhà sản xuất xi măng lớn thứ 5 trên thế giới và đang hy vọng sẽ giảm được phát thải CO₂ bằng cách tạo ra một loại xi măng phá vỡ hoàn toàn các chất gây ô nhiễm trong không khí.

Trong khi xi măng ăn khói của Italcemente đã được sử dụng ở châu Âu trong vài năm qua song nó mới chỉ được đưa ra bán ở Mỹ năm 2007 dưới tên gọi TX Active. Nó chứa titan điôxit và dưới tác động của ánh sáng mặt trời, nó hoạt động như một loại dung dịch xúc tác, thúc đẩy sự phân huỷ các chất gây ô nhiễm như nitơ ôxit, sunfua ôxit và khí ôzôn. TX Active cũng giữ cho công trình được trắng sáng bằng cách ngăn cản sự hình thành của các chất gây ô nhiễm lên bề mặt. Đây là một trong những yếu tố mong đợi của các kiến trúc sư đối với yêu cầu thẩm mỹ của công trình. Một nghiên cứu về TX Active đã đề xuất, nếu 15% diện tích bề mặt các công trình ở Milan (Ý) được phủ lớp TX Active thì có thể làm giảm tới 50% chất gây ô nhiễm có trong không khí.

<http://www.csmonitor.com>

ND: Nguyễn Hồng Trang

**CHÀO MỪNG KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH XÂY DỰNG
VIỆT NAM (29/4/1958-29/4/2008)**

**LỄ KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀNH XÂY DỰNG VIỆT NAM
VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH**



Chủ tịch nước CHXHCNVN Nguyễn Minh Triết gắn
Huân chương Hồ Chí Minh trên Lá cờ truyền thống của ngành XDVN

**HỘI THẢO SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG, TÀI NGUYÊN TIẾT KIỆM VÀ
HIỆU QUẢ NGÀNH XÂY DỰNG**



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Liên chủ trì Hội thảo